

Số: 476/BC-TKT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2026

Kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội tháng Tám và 8 tháng năm 2026 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; xung đột địa chính trị, biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu, chi phí vận tải và nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong nước, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; các chính sách thúc đẩy tăng trưởng, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục được triển khai; mô hình chính quyền địa phương hai cấp từng bước đi vào hoạt động, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Trong tháng Tám, thành phố Hà Nội nghiêm túc thực hiện kết luận chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc với Thành ủy Hà Nội ngày 08/8/2026, trong đó yêu cầu Thành phố xác định mục tiêu tăng trưởng hai con số là nhiệm vụ chính trị quan trọng, xây dựng kịch bản tăng trưởng cụ thể đến từng ngành, lĩnh vực; UBND Thành phố đã ban hành Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 23/7/2026 về kịch bản tăng trưởng và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện mục tiêu GRDP tăng trưởng “2 con số” trong 6 tháng cuối năm 2026. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội Thủ đô tháng 8/2026 tiếp tục xu hướng tích cực với nhiều điểm sáng như: Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Tám ước tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước; vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý gấp 2,1 lần cùng kỳ; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 16,5%; doanh thu vận tải và hoạt động hỗ trợ tăng 24,4%; khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ tăng 17,4%; kim ngạch xuất khẩu tăng 13,6%. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao tiếp tục được quan tâm; an sinh xã hội, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội cơ bản được bảo đảm. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất, kinh doanh vẫn đối mặt với áp lực giá cả, chi phí nguyên vật liệu và logistics tăng cao, số doanh nghiệp ngừng hoạt động và giải thể tăng. Kết quả chủ yếu các ngành, lĩnh vực trong tháng Tám và 8 tháng năm 2026 như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp trong tháng trên địa bàn Thành phố tập trung chủ yếu vào công tác gieo trồng lúa và cây màu vụ mùa; chăm sóc, phát triển đàn gia súc,

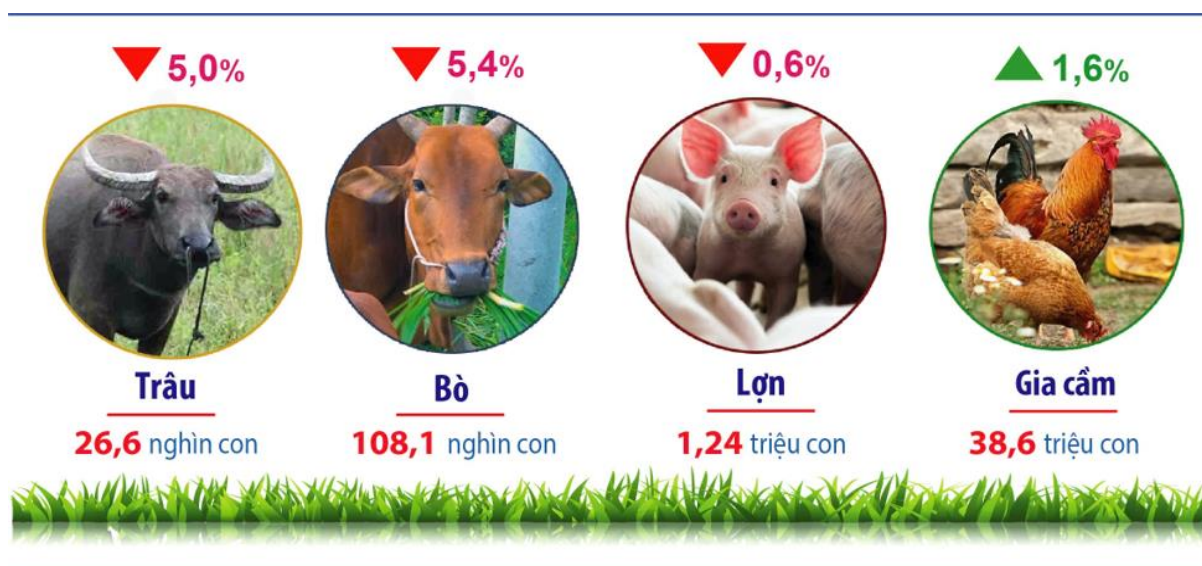
gia cầm. Tính đến 20/8/2026, toàn Thành phố gieo cấy được 58,2 nghìn ha lúa vụ Mùa, bằng 83,4% cùng kỳ năm trước (đạt 87,4% kế hoạch). Diện tích gieo trồng lúa vụ Mùa giảm chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp phục vụ các dự án trọng điểm của Thành phố; bên cạnh đó, một số diện tích sản xuất không hiệu quả tiếp tục chuyển đổi sang các hình thức khác hiệu quả hơn như chuyển sang đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản... Hiện nay, cây lúa trà sớm giai đoạn làm đòng - trổ; trà chính vụ giai đoạn đòng; trà muộn giai đoạn cuối đẻ nhánh rộ - phân hóa đòng, làm đòng. Diễn biến thời tiết trong tháng nhìn chung thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt. Tình hình sâu bệnh gây hại nhẹ, cục bộ trên lúa và cây rau màu.

Về cây màu vụ Mùa, tính đến giữa tháng Tám, tổng diện tích gieo trồng ước đạt 18,6 nghìn ha, đạt 92,0% kế hoạch. Trong đó, diện tích trồng Ngô đạt 2.899 ha, bằng 95,7%; 166 ha khoai lang, bằng 59,3%; 173 ha đậu tương, bằng 66,0%; 496 ha lạc, tăng 3,1%; 9.248 ha rau, bằng 92,7%; 290 ha đậu, tăng 16,9%. Tính chung 8 tháng năm 2026, toàn Thành phố gieo trồng được 58,2 nghìn ha lúa vụ Mùa, bằng 83,4% cùng kỳ năm trước; 10,5 nghìn ha ngô, bằng 93,8%; 1.255 ha khoai lang, bằng 91,8%; 1.068 ha đậu tương, bằng 87,8%; 1.999 ha lạc, tăng 2,6%; 33,1 nghìn ha rau các loại, bằng 95,1%; 528 ha đậu các loại, tăng 11,4%.

Chăn nuôi trong tháng nhìn chung ổn định, không có dịch bệnh lớn xảy ra; giá bán thịt lợn hơi giảm mạnh so với tháng trước; giá thức ăn chăn nuôi có xu hướng tăng trở lại gây áp lực lên chi phí sản xuất chăn nuôi. Đến nay đàn lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ) có 1.243 nghìn con, giảm 0,6% so với cùng kỳ; đàn trâu 26,6 nghìn con, giảm 5,0%; đàn bò 108,1 nghìn con, giảm 5,4%; đàn gia cầm 38,6 triệu con, tăng 1,6% (đàn gà 29,1 triệu con, tăng 1,1%).

Số lượng gia súc, gia cầm có đến cuối tháng Tám năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Tình hình dịch bệnh: Trong tháng 8/2026, bệnh Dịch tả lợn châu Phi ghi nhận 04 hộ chăn nuôi trên địa bàn 04 thôn tại 02 xã Vật Lại và Bát Tràng; tiêu hủy 118 con, trọng lượng 6.414 kg thịt. Lũy kế 8 tháng năm 2026, dịch tả lợn châu Phi xuất hiện tại 26 hộ trên địa bàn 23 thôn thuộc 14 xã, phường; tổng số lợn tiêu hủy 4.513 con, tương đương 154,4 tấn thịt. Hiện nay, ổ Dịch tả lợn châu Phi trên địa bàn Thành phố vẫn có khả năng phát sinh bệnh. Các ngành chức năng của Thành phố tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh tại cơ sở; tăng cường kiểm tra tình hình chăn nuôi để kịp thời phát hiện, khoanh vùng và xử lý nhanh gọn khi có ổ dịch xảy ra; tổ chức tiêm phòng tốt các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm theo kế hoạch.

1.2. Lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất lâm nghiệp trong tháng tập trung vào công tác chăm sóc, bảo vệ rừng. Tháng Tám sản lượng gỗ khai thác ước đạt 1.930 m³, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm 2025. Tính chung 8 tháng năm 2026, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 84 ha, bằng 98,8% cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán 360 nghìn cây, bằng 95,2%; sản lượng gỗ khai thác 13,2 nghìn m³, bằng 95,4%.

Trong tháng trên địa bàn không xảy ra cháy gây thiệt hại về rừng. Lũy kế từ đầu năm đến nay, trên địa bàn xảy ra 05 vụ cháy rừng với diện tích 3,4 ha, chủ yếu cháy thảm thực bì, cây bụi không ảnh hưởng lớn đến tài nguyên rừng.

Sản xuất thủy sản ổn định, diện tích thả nuôi tháng Tám ước đạt 1.900 ha, tăng 0,8% so cùng kỳ năm 2025; tổng sản lượng thủy sản ước đạt 12,1 nghìn tấn, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 11,9 nghìn tấn (chủ yếu sản lượng cá), tăng 4,4%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 234 tấn, giảm 0,4%. Tính chung 8 tháng năm 2026, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 23,0 nghìn ha, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước; tổng sản lượng thủy sản đạt 87,7 nghìn tấn, tăng 4,3%. Trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 86,6 nghìn tấn, tăng 4,4%; sản lượng thủy sản khai thác 1,1 nghìn tấn, giảm 0,5%.

2. Sản xuất công nghiệp

Trong tháng Tám, hoạt động sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo gặp khó khăn do giá năng lượng, chi phí nguyên vật liệu và logistics tăng cao. Bên cạnh đó, từ ngày 24/7/2026 Mỹ áp mức thuế bổ sung 12,5% đối với phần lớn hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ Việt Nam (trừ các mặt hàng được miễn thuế) đã ảnh hưởng lớn đến doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang Mỹ, các nhóm hàng chịu tác động lớn là sản phẩm dệt may, da giày, túi xách và đồ nội thất.

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 8/2026 giảm 0,9% so với tháng trước và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,1% và tăng 9,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 0,2% và tăng 10,4%; cung cấp nước, xử lý rác, nước thải tăng 2,6% và tăng 12,3%; ngành khai khoáng giảm 3,2% và tăng 10,2%. Ước tính 8 tháng năm 2026, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,8%; sản xuất, phân phối điện tăng 9,6%; cung cấp nước, xử lý rác, nước thải tăng 8,8%; khai khoáng tăng 7,8%.

Ngành công nghiệp khai khoáng: Tháng 8/2026 giảm 3,2% so với tháng trước và tăng 10,2% so với cùng kỳ năm 2025. Cộng dồn 8 tháng năm 2026, ngành công nghiệp khai khoáng tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2025. Hà Nội không phải là địa phương có nguồn tài nguyên khoáng sản quy mô lớn cho khai thác năng lượng và kim loại nặng. Do đó, hoạt động khai khoáng trên địa bàn chủ yếu tập trung vào khai thác đá, cát, sỏi, đất đai và vật liệu phi kim loại. Tháng 8 là giai đoạn thời tiết thuận lợi, cao điểm thi công các dự án đầu tư công, phát triển hạ tầng giao thông và các công trình dân dụng trên địa bàn Thủ đô, đẩy nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng lên rất cao.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Tháng 8/2026 giảm 1,1% so với tháng trước và tăng 9,3% so với tháng cùng kỳ năm 2025; cộng dồn 8 tháng năm 2026 tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2025.

Một số ngành có chỉ số sản xuất tháng 8/2026 tăng so với tháng trước như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 50,8%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 16,5% do nhu cầu tiêu dùng hàng thực phẩm, quà biếu tăng mạnh để chuẩn bị cho dịp Lễ Quốc khánh 2/9 và Tết Trung thu; sản xuất trang phục tăng 9,3% tháng 8 là thời điểm cao điểm chuẩn bị hàng hóa cho mùa khai trường và bắt đầu tích trữ đơn hàng phục vụ đợt mua sắm lớn dịp Thu - Đông; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 10,6%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 6,7%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 5,9%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 4,7%; sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện tăng 3,1%; công nghiệp chế biến chế tạo khác tăng 14,1%... Bên cạnh đó, một số ngành công nghiệp chỉ số sản xuất giảm như: Sản xuất thiết bị điện giảm 30,2%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 13,9%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 10,6%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 3,1%.

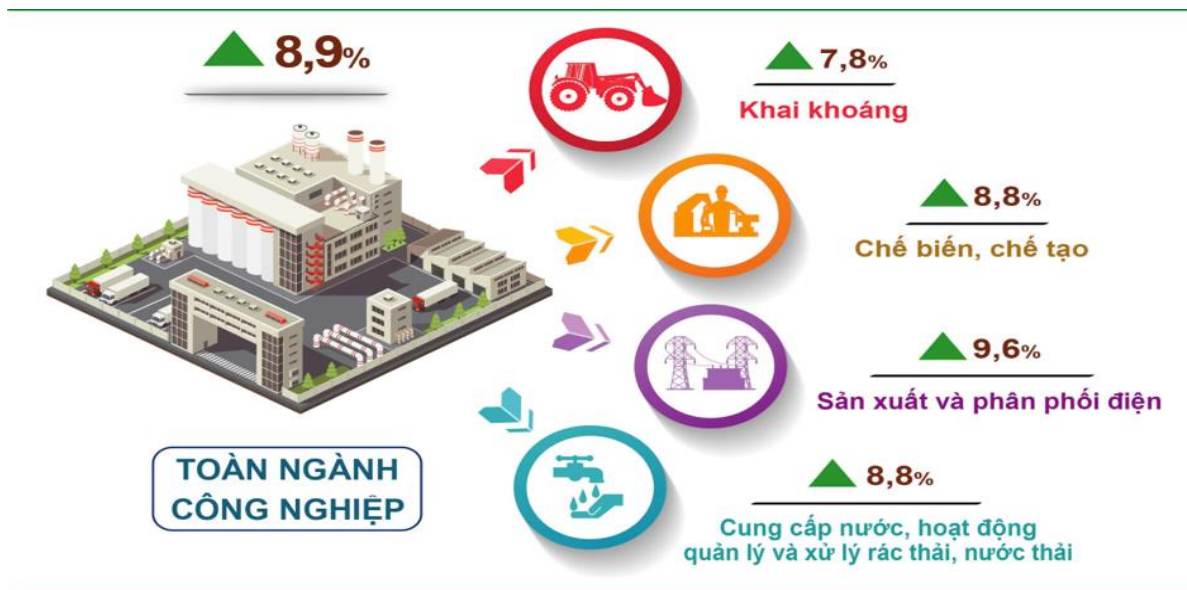
Cộng dồn 8 tháng năm 2026, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó một số ngành công nghiệp chế biến chế tạo ghi nhận tốc độ tăng trưởng khá như: Sản xuất sản phẩm điện

tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 18,5%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 16,5%; sản xuất kim loại tăng 15,3%; sản xuất đồ uống tăng 12,9%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng 12,0%; sản xuất phương tiện vận tải tăng 11,5%; sản xuất thiết bị điện tăng 11,1%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 10,3%... Bên cạnh đó, chỉ số sản xuất một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm so với cùng kỳ: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 4,1%; sản xuất trang phục giảm 0,7% do nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu chưa phục hồi, đơn hàng giảm, chi phí đầu vào tăng và áp lực cạnh tranh ngày càng lớn, ảnh hưởng đến tốc độ sản xuất của doanh nghiệp.

Ngành sản xuất, phân phối điện: Chỉ số sản xuất tháng 8/2026 tăng 0,2% so tháng trước và tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2025. Cộng dồn 8 tháng năm 2026, chỉ số IIP sản xuất, phân phối điện tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2025 cho thấy đà tăng trưởng tiêu dùng điện năng ổn định và bền vững từ đầu năm đến nay, Thành phố luôn chủ động các kịch bản ứng phó để đảm bảo nguồn cung an toàn, liên tục.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 8 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải: Chỉ số sản xuất tháng 8/2026 tăng 2,6% so với tháng trước và tăng 12,3% so với tháng 8/2025. Cộng dồn 8 tháng năm 2026, ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2025. Hoạt động cung cấp nước sạch và thu gom, xử lý chất thải được duy trì thường xuyên, liên tục, cơ bản đảm bảo đáp ứng tốt các điều kiện hạ tầng cho đời sống dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Tốc độ tăng/giảm một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
(So với cùng kỳ năm trước)

	Đơn vị tính: %	
	Tháng Tám năm 2026	8 tháng năm 2026
Một số sản phẩm tăng		
Cửa bằng plastic	177,4	171,0
Bê tông trộn sẵn	173,4	168,5
Máy copy - in	160,9	148,6
Bao bì và túi bằng giấy	130,4	145,4
Xe mô tô, xe máy xi lanh ≤ 250cc	128,0	144,1
Thuốc dạng viên	126,6	116,3
Thùng, hộp bằng bìa cứng	107,0	115,3
Một số sản phẩm giảm		
Thuốc trừ sâu	78,6	77,8
Ghế có khung bằng kim loại	83,9	82,6
Sữa và kem chưa cô đặc	104,7	85,1
Kẹo cứng, kẹo mềm	103,0	88,2
Giấy và bìa nhẵn	106,3	88,6
Thuốc kháng sinh dạng bột/ cốm	63,9	89,1

Tình hình sử dụng lao động tại các doanh nghiệp: Chỉ số sử dụng lao động trong doanh nghiệp tháng 8/2026 giảm 0,5% so với tháng 7/2026, tăng 8,6% so với tháng 8/2025. Cộng dồn 8 tháng năm 2026 chỉ số sử dụng lao động tăng 1,0% so với cùng kỳ năm 2025. Chia theo khu vực: Doanh nghiệp nhà nước tăng 2,9%; doanh nghiệp FDI tăng 2,6%; doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 2,1%.

3. Thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước

Trong tháng Tám, công tác giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố tiếp tục duy trì đà tăng tích cực, phản ánh những chuyển biến trong công tác giải phóng mặt bằng, cải cách thủ tục đầu tư và điều hành, giám sát tiến độ dự án. Nhiều công trình hạ tầng trọng điểm được đẩy nhanh thi công, góp phần nâng cao khả năng hấp thụ vốn và tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế Thủ đô trong những tháng cuối năm.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước (NSNN) do địa phương quản lý tháng 8/2026 ước đạt 18.091 tỷ đồng, tăng 12,8% so với tháng trước và gấp hơn 2 lần cùng kỳ năm 2025. Trong đó, vốn NSNN cấp Thành phố đạt 14.118 tỷ đồng, tăng 13,9% so với tháng trước và gấp 3,6 lần cùng kỳ; vốn NSNN cấp xã đạt 3.973 tỷ đồng, tăng 9,0% so với tháng trước nhưng giảm 16,1% so với cùng kỳ. Tính chung 8 tháng năm 2026, vốn đầu tư thực hiện từ

nguồn NSNN do địa phương quản lý đạt 89.923 tỷ đồng, tăng 77,3% so với cùng kỳ và bằng 52,6% kế hoạch năm; trong đó, cấp Thành phố đạt 58.624 tỷ đồng, gấp 2,6 lần và hoàn thành 57,5% kế hoạch; cấp xã đạt 31.299 tỷ đồng, tăng 11,1% và hoàn thành 45,3%.

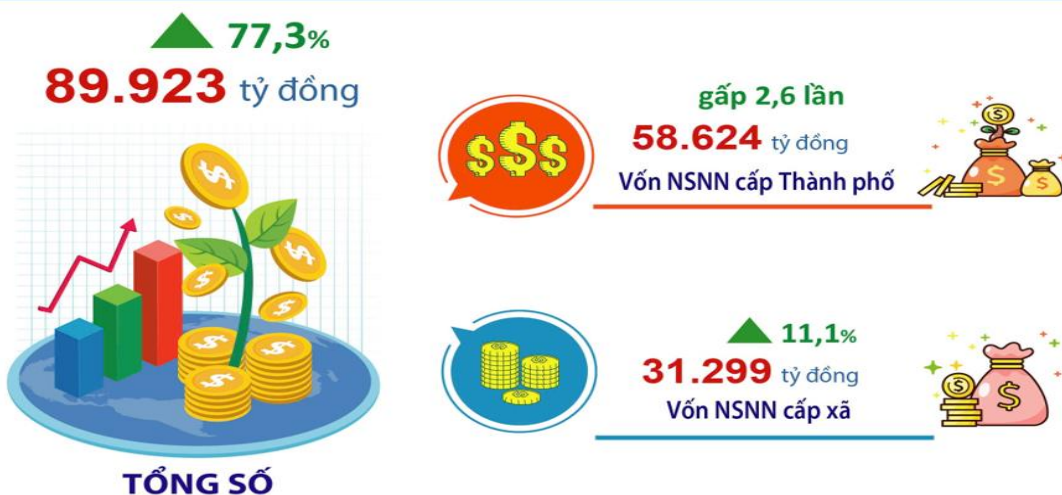
Tiến độ tại nhiều dự án hạ tầng chiến lược tiếp tục có chuyển biến. Dự án cầu Trần Hưng Đạo đã tiếp nhận mặt bằng và triển khai đồng loạt các hạng mục cọc khoan nhồi; dự án Vành đai 2,5 đoạn Ngụy Như Kon Tum - Nguyễn Trãi hoàn thành 100% bàn giao mặt bằng; dự án Vành đai 4 - Vùng Thủ đô đã thi công khoảng 35/51,5 km bê tông nhựa đường song hành và tiếp tục được đẩy nhanh tiến độ. Các dự án hồ điều hòa Phú Đô, Mễ Trì và cụm hồ Yên Nghĩa cũng được tập trung triển khai nhằm nâng cao năng lực chống ngập và hoàn thiện hạ tầng khu vực phía Tây Thành phố.

Nguồn lực đầu tư công tiếp tục được bổ sung và tập trung cho các dự án có tính lan tỏa cao. Tại Kỳ họp thứ năm, HĐND Thành phố đã thông qua việc bổ sung 15 nghìn tỷ đồng vào Kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ nguồn tăng thu ngân sách cấp Thành phố năm 2025, ưu tiên các công trình lớn, trọng điểm và cấp bách. Cùng với đó, Thành phố tiếp tục triển khai chương trình phát triển 5 tuyến đường sắt đô thị với tổng chiều dài khoảng 303,5 km, tổng mức đầu tư sơ bộ hơn 1,3 triệu tỷ đồng, các dự án nhà ở cho thuê gắn với mô hình TOD và các dự án phát triển đô thị mới.

Trong những tháng cuối năm, Thành phố tiếp tục yêu cầu các chủ đầu tư cụ thể hóa tiến độ giải ngân đến từng dự án, gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm người đứng đầu; đồng thời ưu tiên nguồn lực cho Vành đai 4, các cầu vượt sông Hồng, đường sắt đô thị và công trình chống ngập. Việc duy trì tiến độ giải ngân ở mức cao được kỳ vọng tiếp tục phát huy vai trò dẫn dắt của đầu tư công, tạo hiệu ứng lan tỏa và thu hút thêm nguồn vốn đầu tư tư nhân, FDI vào các lĩnh vực hạ tầng và phát triển đô thị của Thủ đô.

Vốn đầu tư thực hiện từ NSNN do địa phương quản lý 8 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



4. Tình hình triển khai một số dự án thuộc vốn ngân sách nhà nước

(1) Nhóm dự án đường Vành đai.

* *Dự án Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục* đã cơ bản hoàn thành giải phóng mặt bằng, hoàn tất di dời cây xanh và bước vào giai đoạn thi công cao điểm. Hai cầu vượt trên tuyến cũng đang được gấp rút thi công, trong đó cầu vượt Láng Hạ đã hoàn thành 6/6 trụ, cầu vượt Nguyễn Chí Thanh đang thi công các trụ chính. Dự kiến trước ngày 2/9/2026, dự án sẽ hoàn thành toàn bộ nền đường và hoàn thành hai cầu vượt trước ngày 31/12/2026.

* *Dự án Vành đai 4 - Vùng Thủ đô*: Gần 99% chiều dài tuyến đã được bàn giao mặt bằng, với tổng diện tích khoảng 1.426 ha. Về tiến độ thi công đối với dự án thành phần xây dựng đường song hành (đường đô thị) địa phận thành phố Hà Nội: Đã thi công được khoảng 35/51,5km bê tông nhựa. Giá trị sản lượng đến nay ước được khoảng 3.596/4.205 tỷ đồng (đạt khoảng 85%), phần đấu hoàn thành toàn bộ đường song hành trong quý III/2026.

* *Dự án đường Vành đai 2,5*: Dự án hầm chui tại nút giao đường Vành đai 2,5 - đường Giải phóng đã hoàn thành trong Quý I/2026 ; đoạn Đàm Hồng - QL1A đã cơ bản thi công hoàn thành 1,6 km đường đã thông xe kỹ thuật ngày 10/2/2026. Đối với đoạn Nguyễn Trãi - hồ Đàm Hồng (tổng mức đầu tư hơn 2.432 tỷ đồng), đến nay toàn bộ mặt bằng đã được bàn giao vượt tiến độ. Các đơn vị thi công đang triển khai đồng loạt tại khu vực ven hồ Đàm Hồng, đường Khương Đình, đường Bùi Xương Trạch và nút giao với đường Nguyễn Trãi; hệ thống cống ngầm tại khu vực gần hồ Đàm Hồng đã hoàn thành, mục tiêu thông tuyến vào ngày 10/10/2026. Các đoạn còn lại tiếp tục được đẩy nhanh thi công hạng mục cống thoát nước dọc, móng cống thoát nước, nền đường.

* *Dự án đường Vành đai 3,5 đoạn từ cầu Thượng Cát đến QL32*: Chủ đầu tư đã tiếp nhận mặt bằng 10.203 m² đất giao thông từ phần nút giao Tây Thăng Long trên địa bàn phường Tây Tựu, Thượng Cát. Các phường xã đang đẩy mạnh công tác GPMB, phần đấu hoàn thành toàn trước 31/8/2026 theo chỉ đạo của Thành uỷ tại thông báo số 398-TB/TU ngày 29/4/2026. Trên phạm vi mặt bằng được bàn giao, nhà thầu đang triển khai đúc cầu kiện đúc sẵn.

(2) Nhóm Dự án cầu lớn vượt sông Hồng (07 cầu).

Hà Nội đang tăng tốc triển khai 7 dự án cầu qua sông Hồng, gồm Cầu Tứ Liên, cầu Ngọc Hồi, cầu Trần Hưng Đạo, cầu Thượng Cát, cầu Vân Phúc, cầu Hồng Hà và cầu Mỹ Sở. Dự kiến hoàn thành vào quý II/2027 nhằm phục vụ Hội nghị APEC 2027. Đến nay, các dự án cầu qua sông Hồng trên địa bàn Hà Nội đang được triển khai đồng loạt với nhiều hạng mục đạt tiến độ cao, 100% mặt bằng theo chỉ giới dự án đã được bàn giao. Trong đó, cầu Tứ Liên và Trần Hưng

Đạo còn một số nội dung liên quan đến phá dỡ công trình, di chuyển hạ tầng kỹ thuật; cầu Thượng Cát cần giải phóng mặt bằng bổ sung khoảng 1,147 ha do điều chỉnh dự án. Đối với cầu Hồng Hà và cầu Mễ Sở tiếp tục tăng tốc thi công; cầu Hồng Hà đạt 798/941 cọc khoan nhồi, 28/70 bệ trụ, 23/70 thân trụ và hoàn thành 27/450 dầm Super-T. Cầu Mễ Sở đạt 360/596 cọc khoan nhồi, 15 bệ trụ, hoàn thành 5 thân trụ và 13 dầm Super-T. Chủ tịch UBND Thành phố yêu cầu Sở Xây dựng theo dõi, giám sát tiến độ 7 cây cầu theo "đường găng", cập nhật báo cáo theo tuần, tháng; đồng thời chú trọng ứng dụng máy móc, công nghệ hiện đại để rút ngắn thời gian thi công.

(3) Dự án đường quốc lộ và các tuyến đường trọng điểm, quan trọng.

Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội: Công tác khoan hầm bằng hai robot TBM (TBM 1 mang tên “Thần tốc”, TBM 2 mang tên “Táo bạo”) tại Dự án tuyến đường sắt đô thị Nhổn - Ga Hà Nội đã hoàn thành toàn bộ. Việc tháo dỡ TBM số 2 tại ga S12 đánh dấu một cột mốc quan trọng của gói thầu CP03 - Hầm và các ga ngầm, tạo điều kiện để dự án chuyển sang các công đoạn thi công tiếp theo, hướng tới mục tiêu hoàn thành toàn tuyến trong thời gian tới. Hiện Ban Quản lý đường sắt đô thị Hà Nội cùng các đơn vị liên quan đang tiếp tục xử lý một số tồn tại về giải phóng mặt bằng tại khu vực ga S12 và ga S9 nhằm bảo đảm tiến độ triển khai các hạng mục còn lại của dự án.

Song song với việc triển khai những dự án hạ tầng kỹ thuật, giao thông đô thị, Hà Nội cũng đang triển khai nhiều dự án thoát nước, hồ điều hòa nhằm hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước, góp phần vào sự phát triển hạ tầng đô thị bền vững của thành phố. Điển hình như:

**Dự án Hồ điều hòa Mễ Trì (Đồng Bông 2):* Nằm tại phường Đại Mỗ, dự án có vốn đầu tư gần 400 tỷ đồng, được khởi công từ đầu năm 2026. Dự án đã hoàn thành khoảng 65% khối lượng thi công các hạng mục chính. Đã cơ bản hoàn thành kè bao quanh hồ. Công tác đào đất và nạo vét lòng hồ đã cơ bản hoàn thành. Hệ thống cống điều tiết, cống dẫn và tiêu thoát nước đã hoàn thành 5/6 hạng mục, hạng mục còn lại đang được gấp rút hoàn thiện.

**Dự án Hồ điều hòa Cự Khối:* Nằm trên địa bàn phường Long Biên, khởi công vào cuối năm 2025 với tổng diện tích 30,25 ha. Dự án thuộc gói đầu tư 972,5 tỷ đồng gồm tuyến mương Việt Hưng - Cầu Bấy. Hiện dự án đang được đẩy nhanh tiến độ thi công cả ngày và ban đêm nhằm đảm bảo tiến độ.

**Dự án Cụm hồ điều hòa Yên Nghĩa 1 và 2:* Nằm tại khu vực xã An Khánh, có tổng diện tích 25 ha, vốn đầu tư hơn 1.100 tỷ đồng đang được thi công khẩn trương nhằm tăng năng lực thoát nước cho khu vực phía Tây.

* *Dự án hồ điều hòa Phú Đô (phường Từ Liêm, Hà Nội)*: Có tổng mức đầu tư 1.167 tỷ đồng, là công trình chống ngập khẩn cấp trọng điểm của Thành phố được khởi công đầu năm 2026 nhằm giải quyết tình trạng úng ngập kéo dài cho khu vực phía Tây Hà Nội. Đến nay, dự án đã hoàn thành các hạng mục chính gồm đào lòng hồ, kè mái bằng cọc bê tông dự ứng lực và các tuyến cống đầu nổi tiêu thoát nước đã cơ bản hoàn thành, nhiều hạng mục đạt 90% khối lượng. Sau khi hoàn thành, hồ điều hòa Phú Đô dự kiến hỗ trợ xử lý khoảng 8 điểm ngập úng xung quanh.

* *Dự án Hồ điều hòa Thụy Phương*: Nằm tại phường Đông Ngạc với diện tích 14,5 ha và tổng vốn đầu tư hơn 700 tỷ đồng, đã được khởi công và đang triển khai thi công các hạng mục chính, nhằm tăng khả năng điều tiết nước, giảm ngập úng và cải thiện cảnh quan khu vực.

* *Dự án Hồ Chèm & Hồ Liên Mạc 1*: Là hai dự án cấp bách có quy mô lần lượt là 9 ha và 13 ha, đang trong giai đoạn hoàn tất bàn giao mặt bằng và triển khai thi công.

5. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng Tám, thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận cho 2.937 doanh nghiệp thành lập mới, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 46,6 nghìn tỷ đồng, giảm 12,3%; 825 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 9,1%; 1.788 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 14,1%; 992 doanh nghiệp giải thể, giảm 8,1%.

Tình hình doanh nghiệp 8 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Tính chung 8 tháng năm 2026, Thành phố đã cấp giấy chứng nhận cho 24,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký 472,3 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% về số lượng doanh nghiệp và tăng 96,9% vốn đăng ký so với cùng

kỳ năm trước; 9,1 nghìn doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 22,3%; 24,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 9,2%; 8,4 nghìn doanh nghiệp giải thể, tăng 41,4%. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng được duy trì 100%, đảm bảo chất lượng và đúng hạn.

6. Hoạt động thương mại

Hoạt động bán buôn, bán lẻ trên địa bàn Hà Nội trong tháng Tám tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng sôi động và giữ vai trò trụ cột quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của Thủ đô. Bên cạnh đó, công tác phục vụ nhu cầu tiêu dùng dịp Quốc khánh 2/9/2026 đang được đẩy mạnh nhằm đảm bảo cung, cầu tăng cao. Các doanh nghiệp, siêu thị, trung tâm thương mại và hệ thống phân phối chủ động tăng dự trữ các mặt hàng thiết yếu, bảo đảm nguồn cung và ổn định giá cả; Thành phố đồng thời tiếp tục triển khai Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu năm 2026. Nhiều hệ thống bán lẻ triển khai các chương trình kích cầu với hàng nghìn mặt hàng giảm giá tới 50%. Đáng chú ý, Lễ hội “Tự hào đặc sản Việt” 2026 tại GO! Thăng Long giới thiệu hơn 200 sản phẩm đặc sản vùng miền, góp phần thúc đẩy tiêu thụ hàng Việt Nam và kết nối sản phẩm với hệ thống phân phối hiện đại. Cùng với đó, công tác kiểm tra nguồn gốc, chất lượng hàng hóa, an toàn thực phẩm và việc niêm yết giá được tăng cường nhằm bảo đảm thị trường ổn định trong dịp nghỉ Lễ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tám ước tính đạt 95,5 nghìn tỷ đồng, tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 60,7 nghìn tỷ đồng, tăng 1,8% và tăng 20,0% (Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 26,3%; nhiên liệu khác tăng 25,2%; xăng dầu tăng 23,6%; ô tô con tăng 19,5%; lương thực, thực phẩm tăng 19,4%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 18,8%; phương tiện đi lại trừ ô tô con tăng 17,4%; hàng may mặc tăng 15,0%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 13,9%; hàng hóa khác tăng 29,4%). Doanh thu lưu trú và ăn uống đạt 14,2 nghìn tỷ đồng, tăng 2,8% và tăng 12,2%. Doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,5 nghìn tỷ đồng, giảm 1,4% và tăng 7,1%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 17,1 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% và tăng 9,4%.

Tính chung 8 tháng năm 2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 708,2 nghìn tỷ đồng, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 455,0 nghìn tỷ đồng, chiếm 64,2% tổng mức và tăng 17,1% (đá quý, kim loại quý tăng 29,9%; xăng dầu tăng 19,7%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 18,2%; lương thực, thực phẩm tăng 16,5%; ô tô con tăng 15,8%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 15,3%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 15,1%; hàng may mặc tăng 14,5%; hàng hóa khác tăng 18,0%). Doanh thu lưu trú, ăn uống đạt 97,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 13,8% và tăng

14,4% (dịch vụ lưu trú tăng 14,5%; dịch vụ ăn uống tăng 14,4%). Doanh thu du lịch lữ hành đạt 25,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,6% và tăng 13,8%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 130,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 18,4% và tăng 8,6%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
8 tháng năm 2026 (So với cùng kỳ năm trước)



7. Hoạt động vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát

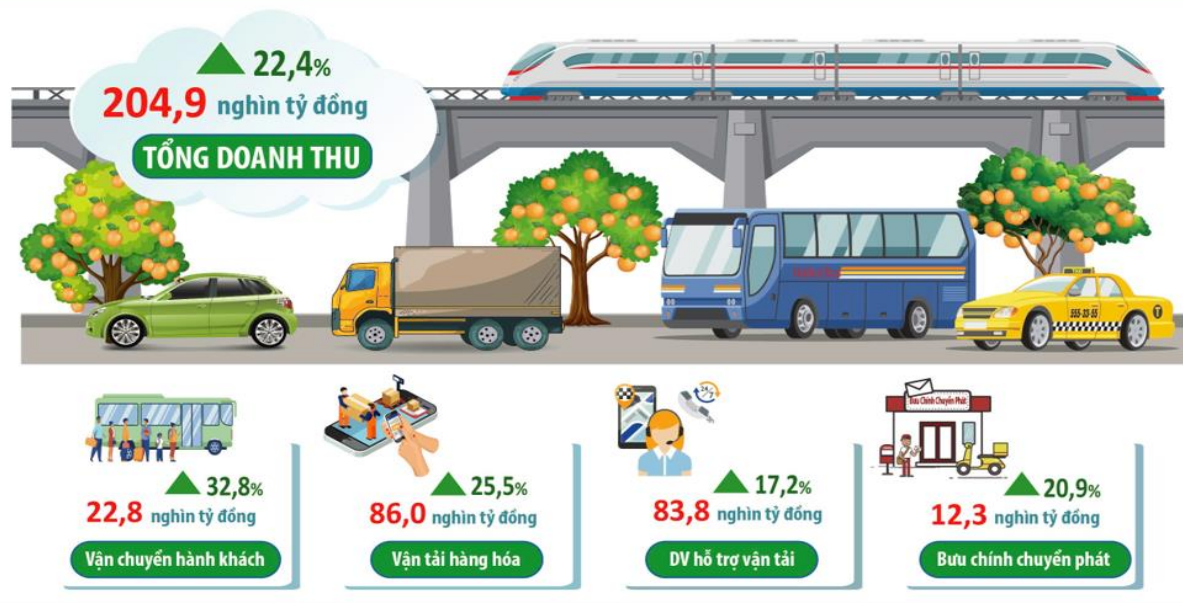
Tổng doanh thu hoạt động vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tháng Tám năm 2026 đạt 26,6 nghìn tỷ đồng, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 24,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2026 tổng doanh thu đạt 204,9 nghìn tỷ đồng, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

Vận chuyển hành khách: Số lượt hành khách vận chuyển tháng Tám ước đạt 55,9 triệu lượt người, tăng 6,3% so với tháng trước và tăng 28,4% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển ước đạt 1.562 triệu lượt người.km, tăng 5,8% và tăng 23,5%; doanh thu ước tính đạt 3.079 tỷ đồng, tăng 3,3% và tăng 37,5%. Tính chung 8 tháng năm 2026, số lượt hành khách vận chuyển đạt 415,3 triệu lượt người, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển đạt 11.679 triệu lượt người.km, tăng 20,3%; doanh thu đạt 22,8 nghìn tỷ đồng, tăng 32,8%.

Doanh thu vận tải hành khách công cộng bằng đường sắt đô thị 8 tháng năm 2026 ước tăng 83,4% so với cùng kỳ năm trước. Công tác tổ chức giao thông kết nối các nhà ga đường sắt đô thị với các tuyến xe buýt trợ giá, điểm đỗ xe cá nhân và hạ tầng dành cho người đi bộ được cải thiện, giúp khả năng tiếp cận các nhà ga thuận tiện hơn, thu hút lượng lớn học sinh, sinh viên và nhân viên văn phòng đi làm hằng ngày.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng Tám ước tính đạt 170,3 triệu tấn, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 18,0 tỷ tấn.km, tăng 0,4% và tăng 20,7%; doanh thu ước tính đạt 11,4 nghìn tỷ đồng, tăng 0,6% và tăng 29,5%. Tính chung 8 tháng năm 2026, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 1.314,5 triệu tấn, tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 138,7 tỷ tấn.km, tăng 18,7%; doanh thu đạt 86,0 nghìn tỷ đồng, tăng 25,5%.

**Doanh thu hoạt động vận tải và bưu chính chuyển phát
8 tháng năm 2026 (So với cùng kỳ năm trước)**



Doanh thu hoạt động hỗ trợ vận tải: Tháng Tám ước tính đạt 10,6 nghìn tỷ đồng, tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 16,3% so với cùng kỳ. Tính chung 8 tháng năm 2026, doanh thu đạt 83,8 nghìn tỷ đồng, tăng 17,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Doanh thu dịch vụ bưu chính chuyển phát: Tháng Tám ước tính đạt 1.595 tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 24,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2026, doanh thu đạt 12,3 nghìn tỷ đồng, tăng 20,9% so với cùng kỳ năm 2025.

Công tác chuẩn bị phương tiện vận tải phục vụ nhu cầu của người dân trong dịp nghỉ Lễ Quốc khánh 2/9

Công tác chuẩn bị phương tiện vận tải phục vụ nhu cầu đi lại của người dân trong dịp nghỉ Lễ Quốc khánh 2/9/2026 được triển khai đồng bộ trên các loại hình đường bộ, đường sắt và hàng không, với mục tiêu bảo đảm đủ năng lực vận chuyển, an toàn, thuận tiện và hạn chế tình trạng ùn ứ hành khách trong thời gian cao điểm. Đối với vận tải đường bộ, các bến xe và doanh nghiệp vận tải tại

Hà Nội đã xây dựng phương án tăng cường phương tiện, dự kiến bố trí khoảng 500 xe khách tăng cường, dự phòng, tập trung tại các bến xe có lưu lượng hành khách lớn như Giáp Bát, Gia Lâm, Mỹ Đình, Nước Ngầm, Yên Nghĩa và Sơn Tây. Hệ thống xe buýt cũng được tăng cường, đặc biệt trên các tuyến kết nối bến xe, nhà ga, điểm trung chuyển, khu vui chơi và các khu vực tập trung đông người; các đơn vị vận tải bố trí phương tiện dự phòng để kịp thời bổ sung khi lượng hành khách tăng cao.

Đối với đường sắt, ngành đường sắt chủ động theo dõi nhu cầu đi lại, xây dựng phương án tổ chức chạy tàu và tăng cường năng lực vận chuyển trên các tuyến có nhu cầu lớn trong những ngày trước và sau kỳ nghỉ Lễ. Tại các nhà ga, đặc biệt là Ga Hà Nội và các đầu mối lớn, công tác bán vé, hướng dẫn hành khách, bảo đảm an ninh trật tự và kết nối với xe buýt, taxi và các phương tiện vận tải khác được chú trọng nhằm giải tỏa hành khách nhanh chóng, hạn chế ùn tắc.

Đối với hàng không, Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu các hãng hàng không theo dõi sát tình hình đặt chỗ, bán vé để kịp thời điều chỉnh kế hoạch khai thác và bổ sung, tăng chuyến trên các đường bay có nhu cầu cao, đặc biệt là các đường bay đi và đến Hà Nội trong những ngày trước và sau kỳ nghỉ lễ. Các hãng được yêu cầu khai thác tối đa, hiệu quả đội tàu bay và chuẩn bị đầy đủ nguồn lực phục vụ cao điểm; các cảng hàng không đồng thời tăng cường nhân lực, trang thiết bị và phối hợp với các đơn vị vận tải mặt đất để phục vụ hành khách. Năng lực cung ứng trên các đường bay du lịch nội địa trọng điểm trong kỳ nghỉ năm nay đạt gần 1 triệu ghế, tăng khoảng 10% so với cùng kỳ; một số chặng từ Hà Nội đã ghi nhận tỷ lệ đặt chỗ cao như Hà Nội – Phú Quốc 69% và Hà Nội – Chu Lai 100% tại thời điểm Cục Hàng không Việt Nam công bố số liệu.

Nhìn chung, các đơn vị vận tải đường bộ, đường sắt và hàng không đã chủ động chuẩn bị phương tiện, nhân lực và phương án tăng cường năng lực vận chuyển, đồng thời chú trọng kết nối giữa bến xe – nhà ga – sân bay – hệ thống vận tải hành khách công cộng, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại tăng cao và bảo đảm phục vụ người dân an toàn, thuận tiện trong suốt dịp nghỉ Lễ Quốc khánh 2/9/2026.

8. Hoạt động du lịch

Trong tháng Tám, hoạt động du lịch trên địa bàn Thành phố tăng trưởng tích cực, chuyển đổi số trong du lịch đang trở thành xu hướng chủ đạo và là một trong những lợi thế cạnh tranh nổi bật của du lịch Hà Nội. Thành phố đã triển khai "Bản đồ Ẩm thực Du lịch số Hà Nội" phối hợp với Công ty Cổ phần Foody, hướng tới tích hợp với ứng dụng iHanoi, tạo ra một hệ sinh thái thông tin du lịch thông minh, tiện lợi cho du khách. Nhiều điểm đến nổi bật như Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hoàng thành Thăng Long, Nhà tù Hỏa Lò, quần thể

Chùa Hương đã áp dụng vé điện tử, mã QR, thuyết minh tự động và công nghệ thực tế ảo, giúp nâng cao trải nghiệm và rút ngắn thời gian chờ đợi của du khách. Việc ứng dụng công nghệ 3D, trí tuệ nhân tạo, VR/AR trong quảng bá và trải nghiệm du lịch ngày càng phổ biến, giúp tái hiện sống động các giá trị di sản lịch sử - văn hóa, đồng thời minh bạch hóa hoạt động du lịch và nâng cao chất lượng phục vụ. Hướng tới mục tiêu phát triển du lịch theo chiều sâu và bền vững, Thành phố đang tích cực hoàn thiện các điều kiện để lập hồ sơ công nhận 3 khu du lịch cấp quốc gia gồm Khu du lịch Ba Vì, Khu du lịch khu di tích thắng cảnh Hương Sơn và Khu du lịch khu vực Hồ Hoàn Kiếm - phụ cận và khu phố cổ Hà Nội. Đây là những bước đi chiến lược nhằm nâng tầm thương hiệu điểm đến, thu hút dòng khách chất lượng cao và kéo dài thời gian lưu trú trung bình của du khách. Với đà tăng trưởng tích cực được duy trì xuyên suốt từ đầu năm, cùng hàng loạt sự kiện văn hóa, thể thao, hội nghị quốc tế dự kiến diễn ra trong những tháng cuối năm 2026, đặc biệt là các hoạt động chuẩn bị cho Hội nghị APEC 2027, du lịch Hà Nội được kỳ vọng tiếp tục bứt phá, đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng kinh tế và khẳng định vị thế của Thủ đô trên bản đồ du lịch khu vực và thế giới.

Khách du lịch đến Hà Nội¹: Theo Báo cáo của Sở Du lịch, trong tháng Tám ước đạt 3,2 triệu lượt khách, trong đó gồm 723,4 nghìn lượt khách quốc tế và khoảng 2,5 triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 12,7 nghìn tỷ đồng. Tính chung 8 tháng năm 2026, tổng khách du lịch đến Hà Nội ước đạt 24,5 triệu lượt khách, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó: Khách du lịch quốc tế ước đạt 6,0 triệu lượt khách, tăng 23,9% so với cùng kỳ năm 2025; khách du lịch nội địa ước đạt 18,4 triệu lượt khách, tăng 8,2%. Tổng thu từ khách du lịch ước đạt 99,4 nghìn tỷ đồng, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm 2025.

Khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ²: Tháng Tám ước đạt 785 nghìn lượt người, tăng 10,2% so với tháng trước và tăng 17,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2026, khách du lịch đến Hà Nội đạt 6,1 triệu lượt người, tăng 26,1% so với cùng kỳ. Trong đó:

Khách quốc tế tháng Tám ước đạt 535 nghìn lượt người, tăng 13,6% so với tháng trước và tăng 25,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2026, khách quốc tế đạt 4,3 triệu lượt người, tăng 27,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Trung Quốc đạt 591,4 nghìn lượt người, tăng 45,4%; Hàn Quốc 367,1 nghìn lượt người, tăng 9,3%; Mỹ 272,9 nghìn lượt người, tăng 28,7%; Úc 237,1 nghìn lượt người, tăng 28,6%; Pháp 227,1 nghìn

¹ Khách du lịch đến Hà Nội được tính số lượt khách tại các điểm tham quan di tích lịch sử văn hóa (gồm cả khách trong ngày và khách lưu trú).

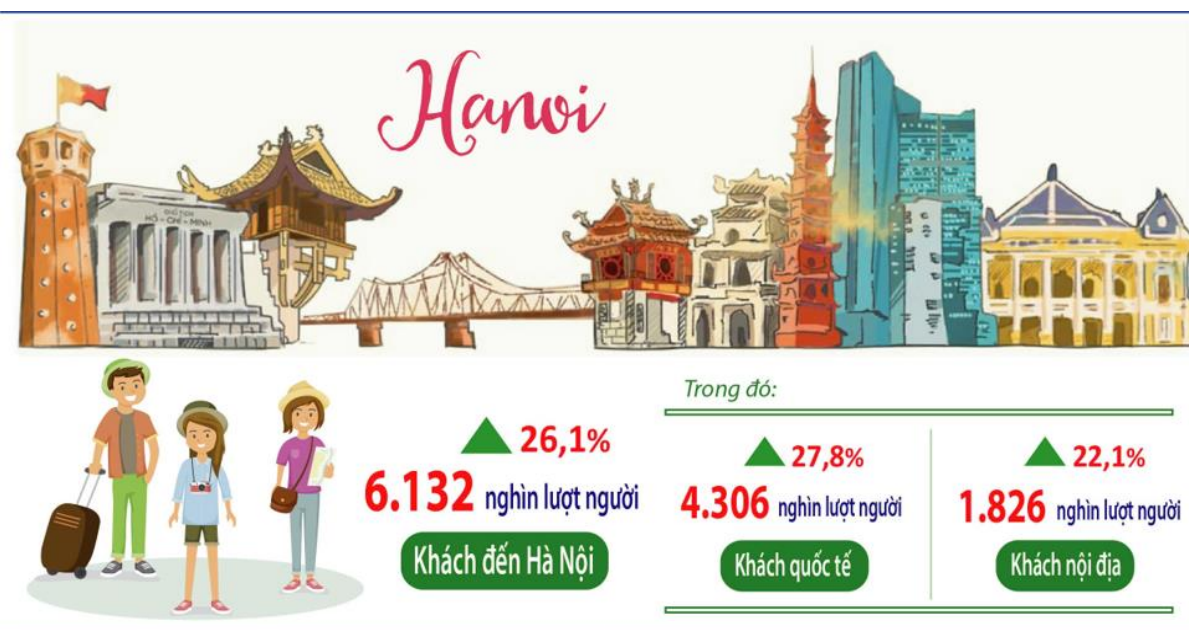
² Khách du lịch đến Hà Nội chỉ tính khách do cơ sở lưu trú phục vụ.

lượt người, tăng 28,9%; Anh 220,3 nghìn lượt người, tăng 16,6%; Đài Loan 219,3 nghìn lượt người, tăng 19,6%; Nhật Bản 205,2 nghìn lượt người, tăng 11,3%; Đức 139,4 nghìn lượt người, tăng 25,1%; Malaysia 95,5 nghìn lượt người, tăng 29,0%; Canada 82,6 nghìn lượt người, tăng 43,3%; Singapore 74,5 nghìn lượt người, tăng 19,5%; Thái Lan 54,4 nghìn lượt người, tăng 20,6%.

Khách nội địa tháng Tám ước đạt 250 nghìn lượt người, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2026, khách nội địa đến Hà Nội đạt 1,8 triệu lượt người, tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước.

Khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ 8 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Tình hình hoạt động các cơ sở lưu trú: Tính đến cuối tháng 8/2026 trên địa bàn Hà Nội có 3.769 cơ sở lưu trú với 72,4 nghìn phòng; trong đó có 63 khách sạn, khu căn hộ trong thời hạn xếp hạng từ 1-5 sao với tổng số 9.993 phòng (30 khách sạn và khu căn hộ xếp hạng 5 sao; 16 khách sạn khu căn hộ xếp hạng 4 sao; 08 khách sạn 3 sao; 5 khách sạn 2 sao và 04 khách sạn 1 sao); số cơ sở lưu trú du lịch chưa đăng ký xếp hạng là 3.699 cơ sở lưu trú với 61,3 nghìn phòng. Công suất sử dụng phòng trung bình khối khách sạn tháng 8/2026 ước đạt 73,2% tăng 3,3 điểm % so với cùng kỳ năm 2025.

Đến nay, trên địa bàn Hà Nội hiện có 64 cơ sở kinh doanh dịch vụ được công nhận đạt chuẩn phục vụ khách du lịch, trong đó có: 28 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, 24 cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm, 09 cơ sở kinh doanh vui chơi giải trí, 03 cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Hệ thống các cơ

sở dịch vụ mua sắm, ăn uống, vui chơi giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đã thu hút, phục vụ đông đảo lượng du khách và người dân đến tham quan.

Công tác quản lý hoạt động lữ hành và hướng dẫn viên: Tính đến hết tháng 8/2026, trên địa bàn Thành phố có 2.012 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế; 584 doanh nghiệp dịch vụ lữ hành nội địa; 32 doanh nghiệp vận chuyển khách du lịch; 07 văn phòng đại diện doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài; 7.529 hướng dẫn viên du lịch quốc tế; 2.745 hướng dẫn viên du lịch nội địa và 158 hướng dẫn viên du lịch tại điểm du lịch, di tích.

9. Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa

Trong tháng 8/2026, hoạt động xuất, nhập khẩu trên địa bàn thành phố Hà Nội tiếp tục có nhiều điểm sáng trong bối cảnh kinh tế và thương mại quốc tế còn nhiều biến động. Các doanh nghiệp chủ động duy trì đơn hàng, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời tận dụng các hiệp định thương mại tự do để thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa. Hoạt động nhập khẩu tiếp tục đáp ứng nhu cầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị và hàng hóa phục vụ sản xuất, kinh doanh. Thành phố tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối doanh nghiệp với thị trường trong và ngoài nước, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, qua đó tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Tám ước tính đạt 2.127 triệu USD, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 1.127 triệu USD, tăng 1,2% và tăng 10,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 1,0 tỷ USD, tăng 1,1% và tăng 17,4%.

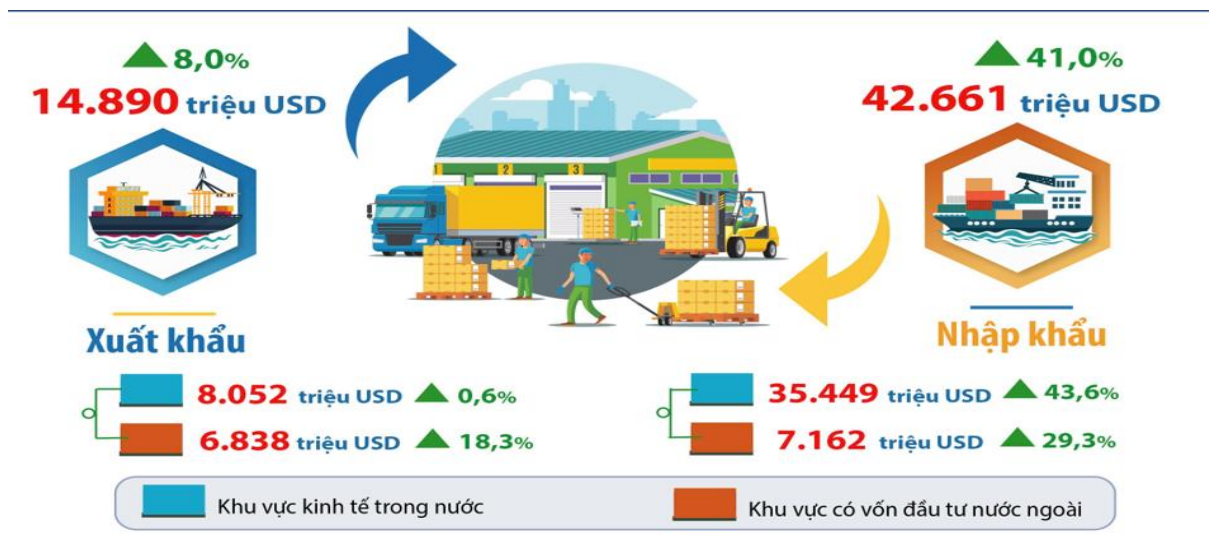
Trong tháng 8/2026, một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ: Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 338 triệu USD, tăng 20,2%; phương tiện vận tải và phụ tùng 289 triệu USD, tăng 9,8%; hàng nông sản 187 triệu USD, tăng 89,1%; xăng dầu 79 triệu USD, tăng 61,1%; giày dép và sản phẩm từ da 49 triệu USD, tăng 30,0%; thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh 33 triệu USD, tăng 6,8%; hàng hóa khác 544 triệu USD, tăng 23,0%. Bên cạnh đó, một số nhóm hàng kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị phụ tùng 292 triệu USD, giảm 8,9%; hàng dệt may 234 triệu USD, giảm 2,8%; gỗ và sản phẩm từ gỗ 59 triệu USD, giảm 15,0%; hàng gốm sứ 19 triệu USD, giảm 9,7%; điện thoại và linh kiện 04 triệu USD, giảm 76,9%.

Tính chung 8 tháng năm 2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 14.890 triệu USD, tăng 8,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 8.052 triệu USD, tăng 0,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 6.838 triệu USD, tăng 18,3%.

Trong 8 tháng năm nay, một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ: Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 2.261 triệu USD, tăng 21,0%; máy móc thiết bị phụ tùng 2.139 triệu USD, tăng 1,2%; phương tiện vận tải và phụ tùng 2.038 triệu USD, tăng 7,3%; hàng nông sản 1.256 triệu USD, tăng 21,8%; xăng dầu 619 triệu USD, tăng 59,8%; giày dép và các sản phẩm từ da 314 triệu USD, tăng 5,7%; thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh 251 triệu USD, tăng 14,3%; hàng hóa khác 3.814 triệu USD, tăng 6,9%. Bên cạnh đó, 3/12 nhóm hàng kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Hàng dệt may 1.533 triệu USD, giảm 3,7%; gỗ và sản phẩm từ gỗ 481 triệu USD, giảm 12,3%; điện thoại và linh kiện 42 triệu USD, giảm 65,5%.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2026

(So với cùng kỳ năm trước)



Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Tám ước tính đạt 5.632 triệu USD, tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 42,2% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 4.647 triệu USD, tăng 0,4% và tăng 45,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 985 triệu USD, tăng 0,3% và tăng 28,3%.

Trong tháng Tám, một số nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị, phụ tùng 1.313 triệu USD, tăng 53,3%; xăng dầu 710 triệu USD, gấp 2,1 lần cùng kỳ; phương tiện vận tải và phụ tùng 499 triệu USD, tăng 51,1%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 424 triệu USD, tăng 17,8%; sắt thép 217 triệu USD, tăng 22,0%; kim loại 201 triệu USD, tăng 27,5%; sản phẩm hóa chất 92 triệu USD, tăng 22,3%; hàng điện gia dụng và linh kiện 73 triệu USD, gấp 2,1 lần; hàng hóa khác 1.651 triệu USD, tăng 35,3%. Riêng nhóm hàng chất dẻo 111 triệu USD, giảm 9,3% so với cùng kỳ.

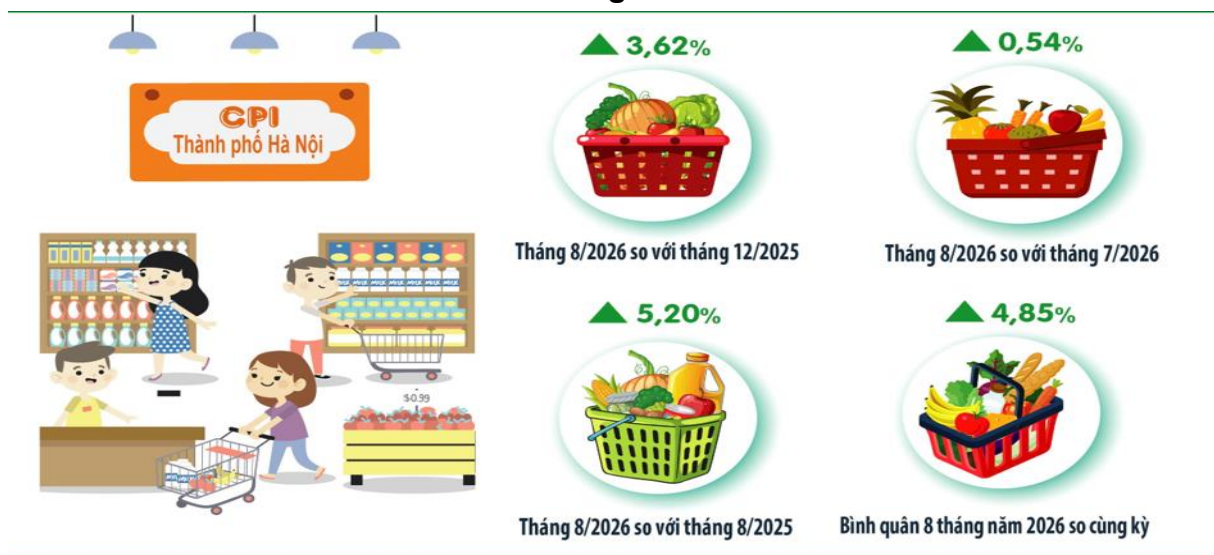
Tính chung 8 tháng năm 2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 42.661 triệu USD, tăng 41,0% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực

kinh tế trong nước 35.499 triệu USD, tăng 43,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 7.162 triệu USD, tăng 29,3%. Một số nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu 8 tháng năm nay tăng so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị, phụ tùng đạt 8.778 triệu USD, tăng 44,9%; xăng dầu 5.425 triệu USD, tăng 96,0%; phương tiện vận tải và phụ tùng 4.370 triệu USD, tăng 77,4%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 3.068 triệu USD, tăng 36,4%; sắt thép 1.599 triệu USD, tăng 8,1%; kim loại khác 1.459 triệu USD, tăng 18,4%; chất dẻo 983 triệu USD, tăng 2,2%; sản phẩm hóa chất 742 triệu USD, tăng 23,6%; sản phẩm chất dẻo 740 triệu USD, tăng 21,2%; hàng hóa khác 13.048 triệu USD, tăng 33,3%.

10. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Trong tháng 8/2026, tình hình thị trường trên địa bàn thành phố Hà Nội nhìn chung ổn định, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được bảo đảm, hoạt động lưu thông hàng hóa diễn ra thông suốt, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của người dân. Tuy nhiên, thời tiết nắng nóng xen kẽ mưa lớn đã ảnh hưởng đến sản xuất, thu hoạch và vận chuyển một số mặt hàng nông sản; bên cạnh đó nhu cầu mua sắm có xu hướng tăng cao vào thời điểm cuối hè, chuẩn bị năm học mới, dịp Quốc khánh 2/9 đã ảnh hưởng đến giá cả một số mặt hàng tiêu dùng trên địa bàn Thành phố. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2026 tăng 0,54% so với tháng trước, tăng 3,62% so với tháng 12/2025 và tăng 5,20% so với tháng 8/2025. CPI bình quân 8 tháng năm 2026 tăng 4,85% so với bình quân 8 tháng năm 2025.

Chỉ số CPI tháng Tám năm 2026



Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Tháng 8/2026, chỉ số giá tăng nhẹ 0,12% so với tháng trước và tăng 4,76% so với cùng kỳ tháng 8/2025. Bình quân 8 tháng năm 2026, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,07% so với bình quân cùng kỳ năm 2025, trong đó: Giá lương thực tăng 2,35% (gạo tẻ

thường tăng 0,65%; gạo tẻ ngon tăng 2,31%); giá thực phẩm tăng 4,76% (thịt lợn tăng 7,92%; thịt bò tăng 3,18%; thịt gà tăng 4,13%; trứng tươi các loại tăng 8,54%; tôm tươi tăng 7,23%); giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 6,93%.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: Trong tháng 8/2026, chỉ số giá tăng 0,23% so với tháng trước và tăng 4,38% so với cùng kỳ tháng 8/2025. Bình quân 8 tháng năm 2026, chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,43% so với bình quân 8 tháng năm 2025 (trong đó bia tăng 2,64%; thuốc lá tăng 5,79%)

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: Chỉ số giá tháng 8/2026 tăng 0,05% so với tháng trước và tăng 2,64% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng năm 2026, chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,18% so với bình quân 8 tháng năm 2025 (trong đó vải các loại tăng 2,56%; quần áo may sẵn tăng 2,33%; giày dép tăng 0,84%).

Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng: Trong tháng 8/2026, chỉ số giá tăng 0,07% so với tháng trước (giá dầu hỏa tăng 16,47%; giá gas tăng 3,23%; nhà ở cho thuê tăng 0,39%; bình quân giá điện sinh hoạt giảm 1,37%; vật liệu xây dựng giảm nhẹ 0,14%). So với cùng kỳ năm trước, CPI nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 7,13%. Bình quân 8 tháng năm 2026, CPI nhóm này tăng 7,48% so với bình quân 8 tháng cùng kỳ năm 2025 (do giá dầu hỏa tăng 38,58%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 38,32%; giá vật liệu xây dựng tăng 17,68%; giá nhà ở cho thuê tăng 8,71%; điện sinh hoạt tăng 4,31%).

Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình: Tháng 8/2026 tăng nhẹ 0,24% so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 8/2025, chỉ số giá nhóm này tăng 3,68%. Bình quân 8 tháng năm 2026, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,14% so với bình quân cùng kỳ 8 tháng năm 2025.

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế: Tháng 8/2026, chỉ số giá tăng 0,06% so với tháng trước và tăng 0,64% so với tháng 8/2025. Bình quân 8 tháng năm 2026, CPI nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,41% so với bình quân 8 tháng cùng kỳ năm 2025. Việc siết chặt quản lý giá thuốc và dịch vụ y tế của Chính phủ đang mang lại những hiệu quả rõ rệt, khiến người dân an tâm và tin tưởng vào chính sách của Đảng và Nhà nước khi quyền lợi của mình được bảo đảm.

Nhóm giao thông: Trong tháng 8/2026, chỉ số giá tăng 3,98% so với tháng trước (giá xăng bình quân tháng 8/2026 tăng 9,53%, giá dầu diesel tăng 22,15%). So với cùng kỳ tháng 8/2025, CPI nhóm giao thông tăng 8,01%. Tính chung 8 tháng năm 2026, CPI bình quân tăng 6,36% so với CPI bình quân 8 tháng năm 2025 (xăng tăng 9,61%; dầu diesel tăng 36,55%; dịch vụ vận chuyển khách bằng đường bộ tăng 14,11%; đường hàng không tăng 81,34%).

Nhóm thông tin và truyền thông: Tháng 8/2026, chỉ số giá giảm nhẹ 0,08% so với tháng trước và giảm 0,69% so tháng 8/2025. Bình quân 8 tháng năm 2026, CPI nhóm này giảm 0,48% so với bình quân cùng kỳ năm 2025.

Nhóm giáo dục: Tháng 8/2026, chỉ số giá nhóm tăng 1,06% so với tháng trước và tăng 6,62% so với cùng kỳ tháng 8/2025. Bình quân 8 tháng năm 2026, CPI nhóm giáo dục tăng 4,96% so với bình quân 8 tháng năm 2025 do các trường dân lập, Trường cao đẳng, trung cấp tăng học phí theo lộ trình: Giáo dục trung cấp tăng 18,12%; giáo dục đại học tăng 12,14%; giáo dục cao đẳng tăng 9,15%.

Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch: Chỉ số giá tháng 8/2026 giảm nhẹ 0,02% so với tháng trước, tăng 4,19% so với tháng 8/2025. Bình quân 8 tháng năm 2026, CPI tăng 3,76% so với bình quân 8 tháng năm 2025 (trong đó du lịch trọn gói trong nước tăng 5,90%; khách sạn, nhà khách tăng 7,28%).

Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác: Chỉ số giá tháng 8/2026 tăng 0,10% so với tháng trước và tăng 4,26% so cùng kỳ tháng 8 năm trước. Bình quân 8 tháng năm 2026, chỉ số giá nhóm này tăng 3,23% so với bình quân 8 tháng năm 2025 (giá đồ trang sức tăng 49,25%, dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 4,25%). Từ 01/7/2026 lương cơ bản được điều chỉnh theo nghị định số 161/2026/NĐ-CP của Chính phủ, do đó bảo hiểm y tế cho cán bộ công chức và người lao động tự do tăng 8,12% so với tháng 8/2025.

Chỉ số giá bình quân một số nhóm hàng
8 tháng các năm 2022 – 2026 (So với bình quân cùng kỳ năm trước)

Đơn vị tính: %

	8 tháng năm 2022	8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2024	8 tháng năm 2025	8 tháng năm 2026
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	103,37	100,96	105,24	103,37	104,85
<i>Trong đó:</i>					
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	102,84	103,52	103,23	102,82	105,07
Nhà ở, điện, nước, chất đốt, VLXD	103,86	100,65	106,23	108,19	107,48
Thuốc và dịch vụ y tế	100,44	100,34	104,52	114,99	100,41
Giao thông	115,06	96,25	102,34	97,11	106,36
Giáo dục	98,36	95,57	129,33	98,78	104,96
Văn hóa, giải trí và du lịch	104,49	102,55	100,93	104,03	103,76
Hàng hóa và dịch vụ khác	101,91	103,76	106,85	104,58	103,23
Chỉ số giá vàng	102,43	102,46	128,73	147,59	150,68
Chỉ số giá đô la Mỹ	100,13	102,53	105,75	103,47	101,53

Chỉ số giá vàng tháng 8/2026 giảm 2,32% so với tháng trước; giảm 6,52% so với tháng 12/2025 và tăng 18,54% so với cùng kỳ tháng 8/2025. Bình quân 8 tháng năm nay, chỉ số giá vàng tăng 50,68% so với bình quân cùng kỳ 8 tháng năm trước.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 8/2026 giảm 0,23% so với tháng trước, tăng nhẹ 0,01% so với tháng 12/2025, giảm 0,01% so với cùng kỳ tháng 8/2025. Bình quân 8 tháng năm nay, chỉ số giá USD tăng 1,53% so với bình quân cùng kỳ 8 tháng năm trước.

11. Tài chính, ngân hàng và thị trường chứng khoán

Công tác điều hành thu, chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố 8 tháng năm 2026 đạt kết quả tích cực, đảm bảo các mục tiêu cân đối lớn và giữ vững kỷ cương tài chính quốc gia. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ khách hàng, doanh nghiệp.

11.1. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách Nhà nước đến hết tháng 8/2026 ước thực hiện 521,3 nghìn tỷ đồng, đạt 80,2% dự toán và tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2025, trong đó: Thu nội địa 487,4 nghìn tỷ đồng, đạt 79,9% và tăng 7,5%; thu từ dầu thô 2,1 nghìn tỷ đồng, đạt 60,6% và tăng 18,2%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 30,7 nghìn tỷ đồng, đạt 83,9% và tăng 32,9%.

Một số lĩnh vực thu chủ yếu trong thu nội địa đến hết tháng 08/2026: Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước thực hiện 60,8 nghìn tỷ đồng, đạt 72,8% dự toán và tăng 8,9% so cùng kỳ năm 2025; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 32,6 nghìn tỷ đồng, đạt 77,2% và tăng 39,3%; khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước 129,9 nghìn tỷ đồng, đạt 91,2% và tăng 34,2%; thuế thu nhập cá nhân 42,3 nghìn tỷ đồng, đạt 60,9% và giảm 2,5%; thu tiền sử dụng đất 69,4 nghìn tỷ đồng, đạt 83,7% và bằng 86,7%; thu phí, lệ phí cân đối ngân sách 21,7 nghìn tỷ đồng, đạt 72,2% và tăng 24,2%; thu lệ phí trước bạ 5,3 nghìn tỷ đồng, đạt 52,1% và bằng 98,3%.

Chi ngân sách địa phương đến hết tháng 8/2026 ước thực hiện 138,9 nghìn tỷ đồng, đạt 49,4% dự toán và tăng 70,3% so cùng kỳ năm 2025, trong đó: Chi đầu tư phát triển 87,3 nghìn tỷ đồng, đạt 51,1% và gấp 2,4 lần cùng kỳ; chi thường xuyên 51,5 nghìn tỷ đồng, đạt 64,1% và tăng 13,2%.

11.2. Tín dụng ngân hàng

Tình hình thực hiện lãi suất: Thời điểm trong tháng 8/2026, lãi suất tiền gửi bằng VNĐ bình quân của các ngân hàng Thương mại (NHTM) trong nước phổ biến ở mức 0,1 - 0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1

tháng; 4,1 – 4,6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng; 6,3 – 7,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 6,0 – 7,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng và 7,2 – 7,9%/năm đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước với các khoản vay ở mức 8,3 – 10,5%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) bình quân khoảng 4,0%/năm theo quy định của ngân hàng Nhà nước (NHNN).

Hoạt động huy động vốn: Nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn gia tăng, đáp ứng nhu cầu cấp tín dụng của nền kinh tế và chấp hành các quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn của NHNN. Ước tính đến cuối tháng 8/2026, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn Thành phố đạt 7.844 nghìn tỷ đồng, tăng 1,20% so với cuối tháng trước và tăng 10,78% so với thời điểm kết thúc năm 2025, trong đó tiền gửi đạt 6.876 nghìn tỷ đồng³, tăng 1,15% và tăng 9,63%; phát hành giấy tờ có giá đạt 968 nghìn tỷ đồng, tăng 1,58% và tăng 19,69%.

Tín dụng ngân hàng tính đến cuối tháng Tám năm 2026

(So với thời điểm cuối năm 2025)



Hoạt động tín dụng: Hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp, người dân để duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ và tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội, góp phần tăng nguồn thu ngân sách Thủ đô, hỗ trợ quá trình cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ước đến cuối tháng 8/2026, tổng dư nợ tín

³ Tiền gửi tiết kiệm đạt 2.023 nghìn tỷ đồng, tăng 0,98% so với cuối tháng trước và tăng 10,71% so với thời điểm kết thúc năm 2025; tiền gửi có kỳ hạn đạt 3.345 nghìn tỷ đồng, tăng 1,02% và tăng 9,02%; tiền gửi thanh toán đạt 1.508 nghìn tỷ đồng, tăng 1,65% và tăng 9,56%.

dụng trên địa bàn Thành phố đạt 6.529 nghìn tỷ đồng, tăng 2,20% so với cuối tháng trước và tăng 13,05% so với thời điểm kết thúc năm 2025, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 2.570 nghìn tỷ đồng, tăng 2,22% và tăng 12,84%; dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 3.959 nghìn tỷ đồng, tăng 2,19% và tăng 13,18%. Đến cuối tháng 8/2026, tỷ lệ nợ xấu của các TCTD chiếm 1,49% trong tổng dư nợ.

Dư nợ cho vay theo chương trình tín dụng trên địa bàn Thành phố với 05 lĩnh vực ưu tiên như sau: Cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 21,52%; cho vay chương trình nông nghiệp, nông thôn chiếm 9,80%; cho vay xuất khẩu chiếm 5,07%; cho vay công nghiệp hỗ trợ chiếm 2,46%; cho vay doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 0,42%.

11.3. Thị trường chứng khoán

Tính đến hết ngày 25/8/2026, trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán (HNX và Upcom) do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 1.119 doanh nghiệp được phép giao dịch, giảm 02 doanh nghiệp so với cuối tháng trước và giảm 73 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước, trong đó: HNX có 299 doanh nghiệp và Upcom có 820 doanh nghiệp. Giá trị niêm yết trên cả hai sàn đạt 673,7 nghìn tỷ đồng, giảm 0,54% so với cuối tháng trước và tăng 3,69% so với cuối tháng cùng kỳ năm trước, trong đó: HNX đạt 196,5 nghìn tỷ đồng, tăng 0,19% và tăng 15,83%; Upcom đạt 477,2 nghìn tỷ đồng, giảm 0,84% và giảm 0,60%. Giá trị vốn hóa toàn thị trường tại thời điểm đóng cửa phiên giao dịch ngày 25/8/2026 đạt 1.802,1 nghìn tỷ đồng, tăng 6,73% so với cuối tháng trước và giảm 3,88% so với cuối tháng cùng kỳ năm trước, trong đó HNX đạt 473,2 nghìn tỷ đồng, tăng 5,85% và tăng 15,78%; Upcom đạt 1.328,9 nghìn tỷ đồng, tăng 7,05% và giảm 9,36%.

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX): Tính đến hết giao dịch ngày 25/8/2026, khối lượng trung bình 1 ngày/tháng đạt 52,6 triệu CP được chuyển nhượng, giảm 16,8% so với trung bình 1 ngày/tháng trước và giảm 69,2% so với trung bình 1 ngày/tháng cùng kỳ năm trước; giá trị giao dịch trung bình 1 ngày/tháng đạt 0,87 nghìn tỷ đồng, giảm 20,3% và giảm 77,2%. Trong đó, giao dịch khớp lệnh (định kỳ và liên tục) trung bình 1 ngày/tháng đạt 44,5 triệu CP, giảm 23,8% và giảm 73,4%; giá trị trung bình 1 ngày/tháng đạt 0,73 nghìn tỷ đồng, giảm 28,3% và giảm 80,4%. Tính đến hết 25/8/2026, khối lượng giao dịch chung 8 tháng đạt 11,8 tỷ CP với giá trị chuyển nhượng đạt 231,0 nghìn tỷ đồng.

Hoạt động cấp mã giao dịch và số tài khoản của các nhà đầu tư (NĐT): Tháng Bảy, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp mới được 261 mã số giao dịch cho các NĐT nước ngoài (tổ chức 52 mã giao dịch; cá nhân 209 mã giao dịch). Số tài khoản giao dịch của các NĐT được cấp mới đến hết tháng 7/2026 đạt 1.786 nghìn tài khoản.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Bảo đảm an sinh xã hội

Nhân dịp kỷ niệm 79 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2026), toàn Thành phố đã trao tặng 307,6 nghìn suất quà với tổng kinh phí gần 331 tỷ đồng (tăng 90 tỷ đồng so với năm 2025), cụ thể: Quà của Chủ tịch nước gồm 113,5 nghìn suất quà với số tiền 34,5 tỷ đồng; Thành phố 113,8 nghìn suất quà với số tiền 267,6 tỷ đồng; cấp xã 7,6 nghìn suất quà với số tiền 2,5 tỷ đồng; nguồn vận động xã hội hoá 72,9 nghìn suất quà với số tiền 26,4 tỷ đồng.

Đến nay quỹ vận động “Đền ơn, đáp nghĩa” toàn Thành phố đạt 48,4 tỷ đồng, vượt 64,4% kế hoạch năm; tặng 1.492 sổ tiết kiệm “Tình nghĩa” với kinh phí 4,3 tỷ đồng, trung bình số tiền tiết kiệm là 3 triệu đồng/sổ, vượt 62,5% kế hoạch. Các xã, phường thực hiện tu sửa, nâng cấp 97 công trình ghi công liệt sĩ với kinh phí 94,7 tỷ đồng; hỗ trợ tu sửa, nâng cấp 115 nhà ở cho người có công với cách mạng, kinh phí 5,4 tỷ đồng. Các bà mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn Thành phố được phụng dưỡng, chăm sóc chu đáo.

Công tác quản lý nghĩa trang nhân dân, các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ; tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ được Thành phố quan tâm. Các đơn vị phối hợp với Bộ Tư lệnh Thủ đô, cơ quan thường trực trong Chiến dịch 500 ngày đêm thực hiện khai quật 327 mộ (trong đó lấy được 307 mẫu ADN hài cốt liệt sĩ chưa xác định danh tính, 17 mộ không đủ điều kiện lấy mẫu, 03 mộ không tìm thấy hài cốt liệt sĩ). Hiện nay, Thành phố tiếp tục thực hiện công tác lấy mẫu tại các mộ liệt sĩ không có thông tin ở nghĩa trang Mai Dịch và nghĩa trang do xã, phường quản lý.

Trong tháng Tám, thành phố Hà Nội đã phối hợp với các cơ quan Trung ương và địa phương tổ chức chuỗi hoạt động chào mừng Kỷ niệm 81 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thành phố đã tiếp nhận và giải quyết 1.502 hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công, thân nhân người có công với cách mạng. Các Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công đã triển khai thực hiện điều dưỡng tập trung với 2.963 lượt người có công với tổng kinh phí 16,6 tỷ đồng. Tính chung 8 tháng năm 2026, Thành phố đã thực hiện chi trả trợ cấp ưu đãi hằng tháng cho 74.384 người với tổng số kinh phí chi trả 1.870 tỷ đồng, trong đó số chi trả qua tài khoản 74.324 người với kinh phí 1.863 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 99,9%.

2. Giải quyết việc làm

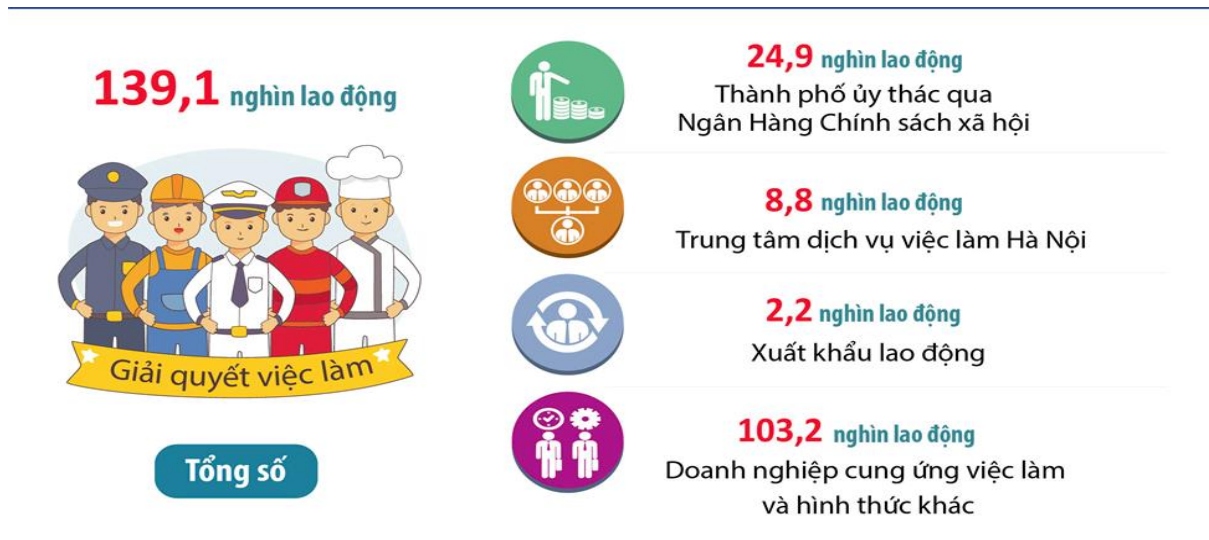
Để triển khai công tác giải quyết việc làm một cách hiệu quả, nhằm tăng cường kết nối giữa người lao động và người sử dụng lao động, Thành phố xây dựng Kế hoạch phát triển thị trường lao động nhằm nâng cao chất lượng công tác dự

báo cung - cầu lao động; hoàn thiện cơ sở dữ liệu thị trường lao động; tăng cường kết nối với Sàn giao dịch việc làm quốc gia. Đồng thời, đơn đốc các địa phương triển khai về hỗ trợ, phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm cho người lao động.

Trong tháng 8/2026, Thành phố đã giải quyết việc làm cho 19,9 nghìn lao động. Trong đó giải quyết việc làm cho 1,5 nghìn lao động từ nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền 184 tỷ đồng; 1,3 nghìn lao động nhận được việc làm sau khi phỏng vấn tại các phiên, sàn giao dịch việc làm, trung tâm dịch vụ việc làm; 277 lao động được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động; 16,9 nghìn lao động được giải quyết việc làm qua các hình thức khác.

Tính chung 8 tháng năm 2026, Thành phố đã giải quyết việc làm cho 139,1 nghìn lao động, trong đó giải quyết việc làm cho 24,9 nghìn lao động từ nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội với số tiền 2.785 tỷ đồng; 8,8 nghìn lao động nhận được việc làm qua các phiên, sàn giao dịch việc làm và hoạt động giới thiệu việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội; hơn 2,2 nghìn lao động được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động và 103,2 nghìn lao động được giải quyết việc làm qua các hình thức khác.

Giải quyết việc làm trên địa bàn thành phố Hà Nội 8 tháng năm 2026



Cũng trong tháng Tám, Thành phố ra quyết định hưởng bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho 7.595 người lao động với số tiền hỗ trợ 231 tỷ đồng. Trong đó 1.159 người lao động hưởng trợ cấp BHTN được tư vấn, giới thiệu việc làm. Hỗ trợ học nghề cho 64 người với số tiền 246 triệu đồng. Lũy kế 8 tháng năm 2026, Thành phố ra quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 44.941 người lao động với số tiền 1.649 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề cho 632 người lao động, với tổng kinh phí khoảng 2,5 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đến nay, Thành phố tiếp

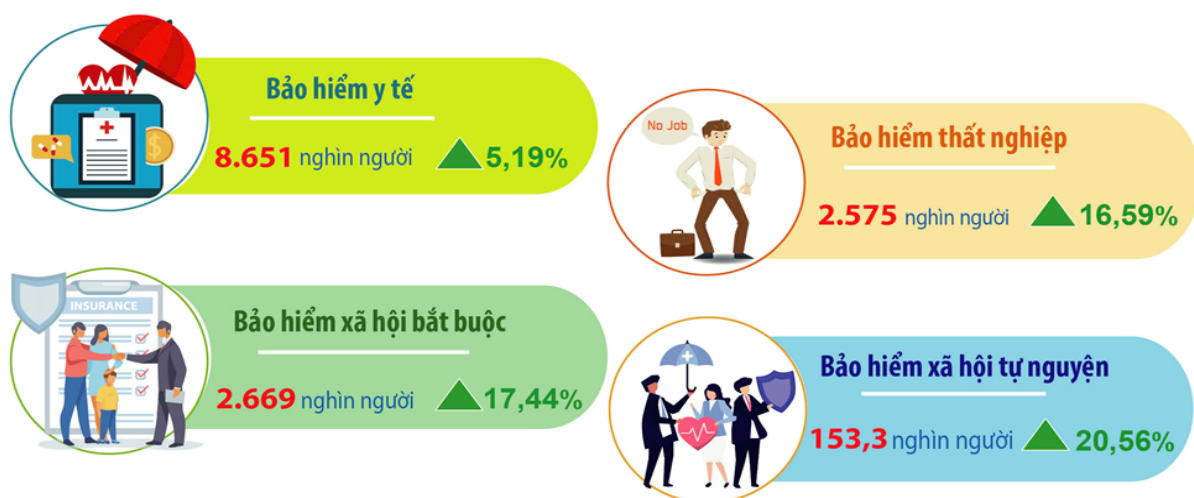
nhận gần 40 nghìn hồ sơ đề nghị hưởng BHTN; ra quyết định hưởng BHTN cho 37,3 nghìn người với số tiền hỗ trợ 1.418 tỷ đồng, 100% người lao động hưởng trợ cấp BHTN được tư vấn, giới thiệu việc làm. Hỗ trợ học nghề cho 568 người với số tiền 2,3 tỷ đồng.

3. Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội

Năm 2026, theo kế hoạch Thành phố giao: Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 96,25% dân số. Tỷ lệ tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc đạt 49,0% số người trong độ tuổi lao động; số người tham gia BHXH tự nguyện đạt 4,0%. Số người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) đạt 46,5% lực lượng lao động.

Theo Báo cáo của Bảo hiểm xã hội (BHXH) thành phố Hà Nội, tính đến hết tháng Tám trên địa bàn Thành phố tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 96,40% dân số⁴ với 8.651 nghìn người tham gia, tăng 0,46% so với tháng trước, tăng 5,19% so với cùng kỳ năm 2025 và tăng 2,18% so với thời điểm kết thúc năm 2025. Có 2.669 nghìn người tham gia BHXH bắt buộc⁵, chiếm 48,23% lực lượng trong độ tuổi lao động, tăng 1,54%, tăng 17,44% và tăng 11,09%. Gần 153,3 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện⁶, chiếm 3,72% lực lượng lao động trong độ tuổi, tăng 2,20%, tăng 20,56% và tăng 14,12%. Số người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) là 2.575 nghìn người⁷, chiếm 46,77%, tăng 1,32%, tăng 16,59% và tăng 10,31%.

Số người tham gia Bảo hiểm trên địa bàn thành phố Hà Nội Tính đến cuối tháng 8/2026 (so với cùng kỳ năm 2025)



⁴ Chưa bao gồm lực lượng vũ trang và các trường hợp tham gia BHYT dưới 3 tháng, đang bảo lưu.

⁵ Chưa bao gồm lực lượng vũ trang và người đang bảo lưu.

⁶ Chưa bao gồm số người tham gia BHXH tự nguyện đang bảo lưu.

⁷ Chưa bao gồm số người đang bảo lưu.

Tính đến hết tháng Tám, tổng số tiền thu từ BHXH, BHYT, BHTN là 60,5 nghìn tỷ đồng, tăng 20,92% so với cùng kỳ năm 2025. Tổng chi BHXH, BHYT, BHTN là 61,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,0%, trong đó: Chi lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng là 34,1 nghìn tỷ đồng (chi từ nguồn Ngân sách nhà nước 6,1 nghìn tỷ đồng; chi từ nguồn quỹ BHXH 27,9 nghìn tỷ đồng); chi khám chữa bệnh BHYT 21,6 nghìn tỷ đồng.

4. Giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Trong tháng Tám, công tác sắp xếp các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập được triển khai đồng bộ, đúng lộ trình, bảo đảm yêu cầu về pháp lý, tổ chức bộ máy và sự ổn định của hoạt động giáo dục. Việc sắp xếp đã giảm đáng kể số đầu mối đơn vị sự nghiệp, đồng thời tăng quy mô các cơ sở giáo dục và hình thành các mô hình trường nhiều cấp học phù hợp với yêu cầu tinh gọn tổ chức, nâng cao hiệu quả quản trị và sử dụng nguồn lực.

Đến ngày 30/8/2026, tổng số đơn vị giáo dục công lập sau sắp xếp còn 1.094 đơn vị, giảm 1.250 đơn vị so với trước sắp xếp, tương đương khoảng 54,3%. Việc giảm đầu mối được thực hiện trên cơ sở duy trì hoạt động giáo dục ổn định, bảo đảm quyền học tập của học sinh, đồng thời tạo điều kiện nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính và tài sản công.

Loại hình cơ sở giáo dục	Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Chênh lệch
Mầm non	817	327	Giảm 490
Tiểu học	731	298	Giảm 433
THCS	612	226	Giảm 386
Tiểu học và THCS	3	88	Tăng 85
THPT	123	123	Giữ nguyên
Tiểu học, THCS và THPT	1	2	Tăng 1
Trung tâm GDNN-GDTX	29	14	Giảm 15
Trường trung cấp	9	2	Giảm 7
Trường cao đẳng	10	5	Giảm 5
Trường đại học	1	1	Giữ nguyên
Trường chuyên biệt dành cho học sinh khuyết tật	7	7	Giữ nguyên
Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục	1	1	Giữ nguyên
Tổng cộng	2.344	1.094	Giảm 1.250

Dự kiến năm học 2026-2027, sau sắp xếp thành phố Hà Nội có 1.681 cơ sở giáo dục thuộc các cấp mầm non, phổ thông, Trung tâm GDNN-GDTX và

trường có vốn đầu tư nước ngoài với 71.410 lớp/nhóm lớp và 2.324 nghìn học sinh. Trong đó mầm non có 672 trường với 24.239 nhóm/lớp, 501 nghìn trẻ; tiểu học có 356 trường, 21 nghìn lớp, 768 nghìn học sinh; THCS 279 trường và 66 trường liên cấp Tiểu học – THCS với quy mô 16,3 nghìn lớp và 663,9 nghìn học sinh; THPT có 256 trường; 7.868 lớp và 321,8 nghìn học sinh; 14 Trung tâm GDNN-GDTX với 1.512 lớp, 59.194 học viên; 38 trường có vốn đầu tư nước ngoài với 505 lớp gồm 10,4 nghìn học sinh. Đối với giáo dục nghề nghiệp, trên cơ sở số lượng cơ sở công lập sau sắp xếp, số trường trung cấp công lập giảm từ 09 xuống 02 trường, số trường cao đẳng công lập giảm từ 10 xuống 05 trường.

Về chất lượng giáo dục: Ngành Giáo dục và Đào tạo tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản trị nhà trường. Trong tháng 8/2026, Thành phố tổ chức tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho 1.000 giáo viên âm nhạc tại các trường phổ thông, nội dung bám sát Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Triển khai Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 06/7/2026 về thực hiện Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học” trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035. Tiếp tục triển khai giáo dục toàn diện cho trẻ em, học sinh, học viên thông qua giáo dục thể chất, nghệ thuật, cảm xúc - xã hội, kỹ năng sống; chú trọng sức khỏe tinh thần, phòng chống bạo lực học đường, tai nạn thương tích, đuối nước, an toàn thực phẩm và kỹ năng tự bảo vệ.

Đào tạo nghề: Đến ngày 24/8/2026, trên địa bàn thành phố Hà Nội có 153 trường cao đẳng, trung cấp gồm 69 trường cao đẳng (25 trường do Trung ương quản lý, 10 trường công lập thuộc Thành phố, 25 trường tư thục, 03 trường tại địa phương khác có phân hiệu tại Hà Nội, 06 trường tại địa phương khác có địa điểm đào tạo tại Hà Nội), 84 trường trung cấp (09 trường do Trung ương quản lý, 09 trường công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, 61 trường tư thục, 02 trường tại địa phương khác có phân hiệu tại Hà Nội, 03 trường tại địa phương khác có địa điểm tại Hà Nội. Trong tháng báo cáo, các cơ sở đào tạo nghề đã tuyển sinh được 18 nghìn người (trong đó 7,98 nghìn người trình độ cao đẳng; 10,02 nghìn người trình độ trung cấp). Có 10,6 nghìn học sinh, sinh viên tốt nghiệp trong đó có 5,4 nghìn người trình độ cao đẳng và 5,2 nghìn người trình độ trung cấp. Ước tính 8 tháng năm 2026, các cơ sở đào tạo nghề đã tuyển sinh được gần 39 nghìn người (trong đó 18,2 nghìn người trình độ cao đẳng; 20,8 nghìn người trình độ trung cấp). Có 28 nghìn học sinh, sinh viên tốt nghiệp trong đó có 13,7 nghìn người trình độ cao đẳng và 14,3 nghìn người trình độ trung cấp.

**Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia và tỉ lệ đạt chuẩn
Trên địa bàn Thành phố đến cuối tháng 8/2026**



5. Hoạt động Y tế và tình hình dịch bệnh

Hiện nay trên địa bàn thành phố Hà Nội có hệ thống Y tế Trung ương và địa phương lớn nhất cả nước đã góp phần tích cực bảo đảm sức khỏe nhân dân, ổn định xã hội và hỗ trợ phát triển kinh tế. Trong 8 tháng năm 2026, một số dịch bệnh theo mùa xuất hiện nhưng không ghi nhận ổ dịch lớn; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được Thành phố quan tâm thực hiện.

Hệ thống Y tế công lập do Thành phố quản lý có 42 bệnh viện (25 bệnh viện đa khoa và 17 bệnh viện chuyên khoa); hệ thống y tế cơ sở gồm 126 Trạm y tế xã, phường trực thuộc UBND cấp xã (trong đó 449 điểm y tế và 55 phòng khám đa khoa); ngoài ra còn có 05 Trung tâm chuyên khoa và 11 cơ sở trợ giúp xã hội công lập. Hệ thống y tế thuộc Trung ương có 35 cơ sở y tế và hệ thống y tế trực thuộc các Bộ, ngành có 24 cơ sở. Hệ thống y tế ngoài công lập có 4.932 cơ sở cơ sở y tế gồm 49 bệnh viện (25 bệnh viện đa khoa, 24 bệnh viện chuyên khoa), 189 phòng khám đa khoa, 3.780 phòng khám chuyên khoa và cơ sở dịch vụ y tế, 914 cơ sở y học cổ truyền. Hành nghề được có 8.628 cơ sở gồm: 33 cơ sở sản xuất thuốc, 78 cơ sở nhập khẩu thuốc, 1.287 cơ sở bán buôn thuốc, 7.230 cơ sở bán lẻ thuốc. Hoạt động trợ giúp xã hội ngoài công lập có 37 cơ sở.

Theo báo cáo của Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội trong 8 tháng năm 2026, tình hình các dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn Thành phố tính đến 21/8/2026, cụ thể như sau: Bệnh tay chân miệng 4.614 ca mắc, tại 126 phường, xã với 70 ổ dịch (tăng 865 ca so với cùng kỳ năm trước). Bệnh sốt xuất huyết 1.773 ca mắc, tại 115 phường, xã với 78 ổ dịch (tăng 709 ca), hiện còn 29 ổ dịch đang hoạt động. Bệnh sởi 572 ca mắc, tại 110 phường, xã (giảm 4.479 ca). Bệnh ho gà 98 ca mắc, tại 55 phường, xã (tăng 75 ca). Bệnh uốn ván 13 ca

mắc tại 10 phường, xã, trong đó 01 ca tử vong (giảm 06 ca). Covid-19 ghi nhận 1.448 ca mắc tại 120 phường, xã (giảm 751 ca). Cũng trong 8 tháng năm nay ghi nhận 08 ổ dịch đại trên đàn chó tại 6 xã, tất cả người bệnh phơi nhiễm đã được điều trị dự phòng. Các dịch bệnh khác không ghi nhận diễn biến bất thường.

Các dịch bệnh khác không ghi nhận diễn biến bất thường. Hiện nay, thời tiết nóng ẩm mưa nhiều của mùa hè làm cho bệnh sốt xuất huyết và các bệnh truyền nhiễm lây truyền qua đường hô hấp như Covid-19, cúm, thủy đậu, ho gà, sởi, rubella, adeno vi rút, chân tay miệng tiếp tục diễn ra. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Ebola tại một số quốc gia châu Phi, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội đã triển khai đồng bộ các biện pháp phòng chống, giám sát, kiểm dịch y tế nhằm phát hiện sớm, ngăn chặn nguy cơ dịch bệnh xâm nhập qua cửa khẩu hàng không quốc tế. Thành phố tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện kiểm soát nhiễm khuẩn tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, thực hiện việc sàng lọc, phân loại, cách ly nghiêm ngặt tất cả các trường hợp nghi ngờ hoặc xác định mắc virus Ebola tại cơ sở điều trị.

Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm (ATTP) trong 8 tháng năm nay được Thành phố quan tâm, chú trọng. Công tác quản lý an toàn thực phẩm, chủ động phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm, không để ngộ độc thực phẩm đông người mắc và tử vong. Ngành Y tế đã thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố; các bếp ăn tập thể trường học, khu công nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống, đóng chai, nước đá dùng liền theo phân cấp... Chủ động giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ các Hội nghị, sự kiện của Trung ương và Thành phố.

6. Hoạt động văn hóa, thể thao

Văn hóa thông tin: Trong tháng 8/2026, Thành phố tập trung tổ chức tuyên truyền phục vụ kỷ niệm 81 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 02/9, đồng thời chuẩn bị các nội dung tuyên truyền kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống Lực lượng vũ trang Thủ đô và các sự kiện chính trị lớn. Trong đợt cao điểm từ ngày 12/8 đến 05/9/2026, Thành phố thực hiện trang trí 150 hồng kỳ, 718 băng rôn dọc, 47 cụm pano với khoảng 479 m², 02 cụm cột cờ khổng lồ và 300 Quốc kỳ, Đảng kỳ tại các khu vực trung tâm và các tuyến đường chính.

Cũng trong thời gian này, các cơ quan báo chí đã đăng tải khoảng 300 tin, bài về Luật Thủ đô; 236 tin, bài về các dự án trọng điểm và trên 37 tin, bài về an toàn thực phẩm. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản được đẩy mạnh. Trong tháng 8 năm 2026, các di tích lịch sử trên địa bàn Thành phố tổ chức tiếp đón các cơ quan, đoàn thể và Nhân dân đến dâng hương và tham quan du lịch tất cả các ngày với 312,8 nghìn lượt khách, doanh thu phí ước đạt 12,5 tỷ đồng.

Hoạt động văn hóa thư viện và nghệ thuật: Hoạt động văn hóa phục vụ cơ sở tiếp tục được duy trì với 18 câu lạc bộ với 932 hội viên, tổ chức 67 buổi sinh hoạt và 18 buổi biểu diễn, giao lưu; tổ chức 41 buổi chiếu phim, phục vụ 4.920 lượt người xem nhân kỷ niệm 81 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9; đồng thời mở rộng phối hợp với các địa phương, doanh nghiệp tổ chức chiếu phim, biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị tại cơ sở.

Về phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”: Thành phố tập trung rà soát, đánh giá hiện trạng và đề xuất phương án quản lý, khai thác 109 thiết chế văn hóa, thể thao quy mô cấp huyện sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Qua rà soát, toàn Thành phố hiện có 4.293 nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, trong đó 2.165 công trình (50,4%) cơ bản bảo đảm điều kiện và hoạt động hiệu quả, 1.756 công trình (40,9%) có diện tích nhỏ hoặc xuống cấp, cần tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp. Đồng thời, hướng dẫn 126 xã, phường triển khai việc xét tặng các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường tiêu biểu” theo quy định.

Thành phố cũng tổ chức Tổ chức Tuần phim kỷ niệm 79 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ, chiếu miễn phí 06 bộ phim tại 30 cụm rạp trên địa bàn Thành phố; phối hợp hướng dẫn, kiểm tra hoạt động chiếu phim phục vụ Nhân dân tại các rạp, xã, phường. Hoạt động nghệ thuật biểu diễn tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, đối ngoại, từng bước hình thành các chương trình nghệ thuật chất lượng cao, sản phẩm biểu diễn thường xuyên và thương hiệu văn hóa của Thủ đô. Trong tháng 8/2026, các nhà hát thuộc Thành phố quản lý đã tổ chức 184 buổi biểu diễn gồm 23 buổi phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại và 161 buổi biểu diễn có doanh thu với kinh phí ước đạt 5,1 tỷ đồng.

Hoạt động thư viện và phát triển văn hóa đọc tiếp tục được duy trì hiệu quả, lượng bạn đọc và cấp thẻ thư viện tăng so với cùng kỳ, các cuộc thi, hội thi có sức lan tỏa rộng, thu hút đông đảo thiếu nhi và cơ sở tham gia. Trong tháng Tám, hệ thống thư viện phục vụ 503,5 nghìn lượt bạn đọc tại chỗ, mượn về nhà và qua không gian mạng, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước; phục vụ 1.144 nghìn lượt tài liệu; cấp mới, đổi 3.597 thẻ thư viện, tăng 11%. Công tác phục vụ cơ sở tiếp tục được đẩy mạnh, luân chuyển 5,4 nghìn bản sách đến 11 điểm, phục vụ 82,5 nghìn lượt bạn đọc và 213,8 nghìn lượt tài liệu tại các thư viện, phòng đọc cơ sở, trường học, trại giam và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng; đồng thời duy trì bổ sung, số hóa tài liệu và sản xuất sách nói phục vụ người khiếm thị.

Hoạt động thể dục thể thao: Trong tháng 8/2026, Thành phố tiếp tục cử các đoàn đi tập huấn và tham dự các giải đấu trong nước và quốc tế với 1.651 lượt người tham gia. Tổ chức tập huấn 14 đợt với 219 lượt người tham gia gồm 06 đợt tập huấn trong nước với 15 huấn luyện viên, 137 vận động viên và 08 đợt tập huấn quốc tế với 01 cán bộ, 11 huấn luyện viên, 55 vận động viên.

Các vận động viên đại diện cho Thành phố đã tham gia 52 giải thi đấu với 1.432 lượt người tham gia gồm 41 giải thi đấu trong nước và 11 giải thi đấu quốc tế. Kết quả, thể thao thành tích cao Hà Nội giành 590 huy chương, trong đó: 536 huy chương trong nước (212 HCV, 156 HCB, 168 HCD) và 54 huy chương quốc tế (24 HCV, 15 HCB, 15 HCD).

Một số thành tích nổi bật như giải Đua thuyền, Cầu mây, Kickboxing xếp Nhất toàn đoàn tại các giải quốc gia; tại các giải châu Á, Jujitsu giành 02 HCV, 03 HCB, 07 HCD, Cờ vua nhanh và chớp giành 02 HCV, Thể dục Aerobic giành 02 HCV, 02 HCB, 01 HCD.

Số Huy chương thể thao thành tích cao trong 8 tháng năm 2026



7. Trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Công tác trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ trong tháng 8/2026 và trước dịp nghỉ Lễ Quốc khánh 2/9 đã được Công an thành phố Hà Nội chủ động triển khai đồng bộ các phương án bảo đảm an ninh, trật tự trên toàn Thành phố. Các lực lượng tăng cường nắm tình hình, tuần tra, kiểm soát tại các khu vực trung tâm, điểm vui chơi và di tích lịch sử. Công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật được đẩy mạnh. Lực lượng Cảnh sát giao thông tăng cường phân luồng, điều tiết giao thông tại các tuyến đường, nút giao và cửa ngõ trọng điểm, hạn chế ùn tắc trong kỳ nghỉ Lễ. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được tăng cường tại các khu vực tổ chức sự kiện, bắn pháo hoa và nơi tập trung đông

người. Các đơn vị duy trì nghiêm chế độ trực, sẵn sàng lực lượng, phương tiện xử lý kịp thời các tình huống phát sinh; tăng cường kiểm tra, ngăn chặn tình trạng tụ tập, đua xe và cổ vũ đua xe trái phép. Qua đó, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô được giữ vững, bảo đảm người dân và du khách đón Quốc khánh 2/9 an toàn, vui tươi và văn minh.

Theo số liệu tổng hợp từ Công an thành phố Hà Nội, tình hình trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ tháng Tám (từ 15/7/2026 đến 14/8/2026) trên địa bàn Hà Nội như sau:

Phạm pháp hình sự: Trong tháng phát hiện 358 vụ phạm pháp hình sự, trong đó 98 vụ do công an khám phá; số đối tượng vi phạm bị bắt giữ theo luật là 172 đối tượng. Phát hiện, bắt giữ 260 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế với 320 đối tượng, thu nộp ngân sách 16,8 tỷ đồng. Cộng dồn 8 tháng năm 2026, phát hiện 2.786 vụ phạm pháp hình sự, bắt giữ theo luật 2.795 đối tượng; 2.600 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế, bắt giữ 3.095 đối tượng; thu nộp ngân sách 784 tỷ đồng.

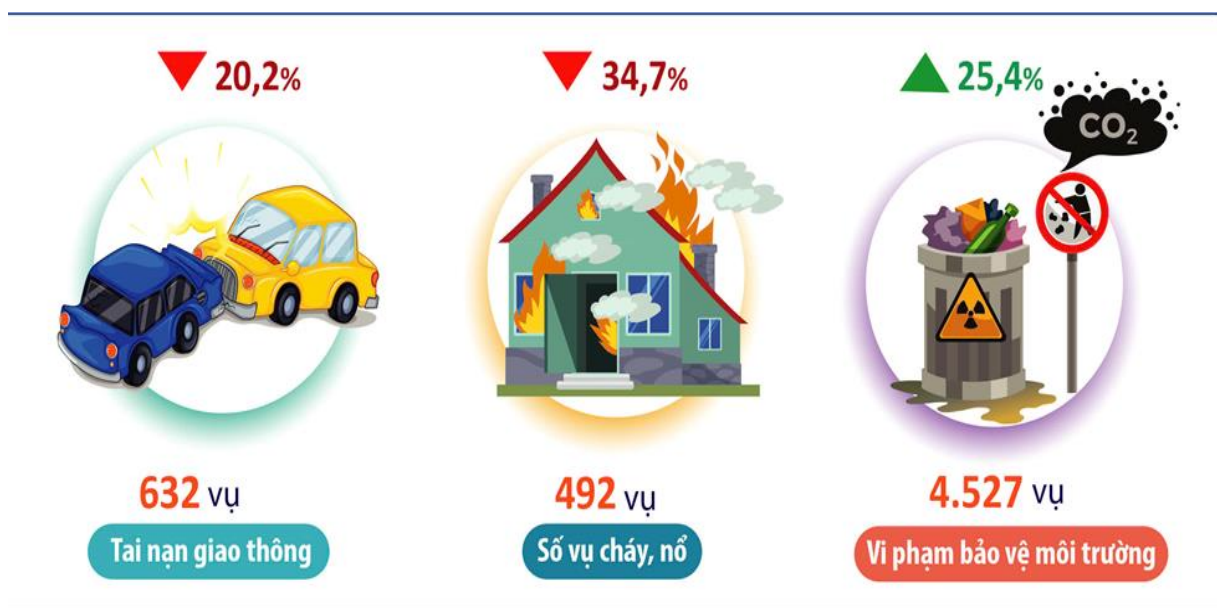
Tội nạn xã hội: Trong tháng đã phát hiện 72 vụ cờ bạc, bắt giữ 204 đối tượng. Tổng số vụ vi phạm pháp luật về ma túy bị phát hiện là 238 vụ, bắt giữ 657 đối tượng, trong đó xử lý hình sự 208 vụ với 523 đối tượng. Cộng dồn 8 tháng năm nay, trên địa bàn Thành phố đã phát hiện 513 vụ cờ bạc, bắt giữ 1.932 lượt đối tượng; số vụ vi phạm pháp luật về ma túy bị phát hiện là 2.614 vụ, bắt giữ 5.766 lượt đối tượng.

Tai nạn giao thông: Tháng Tám, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 76 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 49 người chết và bị thương 51 người (trong đó có 75 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 48 người chết và 51 người bị thương và 01 vụ tai nạn đường sắt làm 01 người chết). Chia theo mức độ nghiêm trọng, có 01 vụ tai nạn đặc biệt nghiêm trọng làm 04 người chết và 10 người bị thương; 01 vụ tai nạn rất nghiêm trọng làm 02 người chết; 45 vụ tai nạn nghiêm trọng làm chết 43 người và bị thương 09 người; số vụ tai nạn ít nghiêm trọng và va chạm là 29 vụ làm 32 người bị thương. Cộng dồn 8 tháng năm 2026, tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí so với cùng kỳ năm 2025, cụ thể: Xảy ra 632 vụ tai nạn giao thông (trong đó 621 vụ tai nạn đường bộ và 11 vụ tai nạn đường sắt), giảm 20,2%; làm 422 người chết, giảm 0,5% và 361 người bị thương, giảm 37,9%.

Bảo vệ môi trường: Trong tháng, phát hiện 495 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường với 496 đối tượng; xử lý là 488 vụ với 489 đối tượng; thu nộp ngân sách 3,1 tỷ đồng. Cộng dồn 8 tháng năm nay, xử lý 4.527 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường với 4.455 đối tượng, tăng 25,4% về số vụ và tăng 26,1% đối tượng so với cùng kỳ năm 2025; thu nộp ngân sách 28,2 tỷ đồng, tăng 77,5%.

Phòng chống cháy, nổ: Trong tháng Tám, trên địa bàn Thành phố xảy ra 49 vụ cháy không gây thiệt hại về người, trong đó, có 45 vụ cháy cấp I, 02 vụ cháy cấp II, hiện các cơ quan chức năng đang tiếp tục xác minh nguyên nhân và đánh giá thiệt hại về tài sản do các vụ cháy gây ra. Cộng dồn 8 tháng năm 2026, xảy ra 492 vụ cháy, giảm 34,7% so với cùng kỳ năm 2025; làm 10 người chết, giảm 33,3% và 15 người bị thương, tăng 25,0%.

**Số vụ tai nạn giao thông, cháy nổ và vi phạm môi trường
trên địa bàn Thành phố trong 8 tháng năm 2026 (So với cùng kỳ năm 2025)**



Khái quát lại, tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội trong 8 tháng năm 2026 tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực và khá toàn diện. Điểm sáng nổi bật là chỉ số sản xuất công nghiệp 8 tháng tăng cao 8,9%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 15,0%; doanh thu vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát tăng 22,4%; khách du lịch do cơ sở lưu trú phục vụ tăng 26,1%; vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tăng 77,3% là mức cao nhất trong nhiều năm. Hoạt động tín dụng tăng khá, thu ngân sách đạt tiến độ tích cực; tai nạn giao thông và số vụ cháy giảm so với cùng kỳ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số hạn chế, khó khăn vẫn cần được quan tâm. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng GRDP trong quý III đạt 12,54% như kịch bản đã đề ra thì tốc độ tăng các ngành, lĩnh vực chưa thật sự bứt phá, khó có thể đạt mục tiêu kế hoạch; một số ngành công nghiệp như sản xuất giường, tủ, bàn ghế và sản xuất trang phục còn giảm. Trong tháng Tám, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động tăng 9,2%, số doanh nghiệp giải thể tăng 41,4%; kim ngạch nhập khẩu tăng 41,0%, cao hơn nhiều so với mức tăng 8,0% của xuất khẩu, làm

gia tăng mức nhập siêu. CPI bình quân 8 tháng vẫn tiếp tục tăng cao 4,85% vượt ngưỡng kiểm soát 4,5% đề ra từ đầu năm, trong đó giá nhà ở, điện, nước, chất đốt, vật liệu xây dựng, dịch vụ ăn uống và giao thông tăng cao. Số lao động được giải quyết việc làm giảm 14,7%; một số dịch bệnh như tay chân miệng, sốt xuất huyết và ho gà gia tăng. Số người bị thương do cháy và số vụ vi phạm về bảo vệ môi trường cũng tăng so với cùng kỳ.

Trong những tháng tiếp theo, Thành phố cần:

(1) Đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư công, tập trung tháo gỡ vướng mắc về thủ tục; ưu tiên nguồn lực cho các dự án giao thông, hạ tầng đô thị, thoát nước và công trình trọng điểm có khả năng lan tỏa, thúc đẩy tăng trưởng;

(2) Thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ổn định nguồn nguyên liệu và mở rộng đơn hàng; đồng thời triển khai các chương trình kích cầu tiêu dùng, đa dạng hóa sản phẩm du lịch và nâng cao chất lượng dịch vụ;

(3) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác thị trường mới, tận dụng các hiệp định thương mại tự do, phát triển thương mại điện tử và nâng cao năng lực logistics; đồng thời thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI nhằm nâng tỷ lệ nội địa hóa, hạn chế nhập khẩu những sản phẩm trong nước có khả năng sản xuất;

(4) Bảo đảm cân đối cung - cầu hàng hóa, năng lượng và các mặt hàng thiết yếu; tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp sản xuất và hệ thống phân phối, chủ động phương án cung ứng, không để xảy ra thiếu hàng hoặc gián đoạn thị trường. Theo dõi sát diễn biến cung - cầu và giá cả các mặt hàng thiết yếu, nhất là lương thực, thực phẩm, điện, nước, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải; chủ động phương án dự trữ, điều hòa nguồn cung, tăng cường kiểm tra thị trường, ngăn chặn đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, góp phần kiểm soát lạm phát;

(5) Kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp về vốn, mặt bằng sản xuất, thủ tục đầu tư, thuế và phí; tạo điều kiện tiếp cận tín dụng, các chính sách hỗ trợ và tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp với ngân hàng, nhà đầu tư và thị trường tiêu thụ;

(6) Đẩy mạnh kết nối cung cầu lao động, tổ chức các phiên giao dịch việc làm theo chuyên đề; tăng cường đào tạo, đào tạo lại lao động gắn với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, nhất là trong các ngành công nghiệp công nghệ cao, thương mại, logistics, du lịch và dịch vụ;

(7) Nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng vốn FDI, ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các dự án đã được cấp phép để sớm đưa vốn đăng ký vào thực hiện.../.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở Tài chính TP Hà Nội;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- UBND phường, xã;
- Thống kê một số tỉnh, TP;
- Đơn vị thuộc Thống kê HN;
- Lưu: VT, TH.



TRƯỞNG THỐNG KÊ

Phạm Hoài Nam

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 8 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Ước tính 8 tháng năm 2026	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 (%)
1. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	108,9
2. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Tỷ đồng	89923	177,3
3. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	3531163	115,0
4. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	708224	114,9
<i>Trong đó: Tổng mức bán lẻ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>455012</i>	<i>117,1</i>
5. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	14890	108,0
6. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	42661	141,0
7. Doanh thu hoạt động vận tải, dịch vụ kho bãi, hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát	Tỷ đồng	204891	122,4
8. Khách du lịch đến Hà Nội (<i>do cơ sở lưu trú phục vụ</i>)	Nghìn Lượt người	6132	126,1
<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	<i>Nghìn Lượt người</i>	<i>4306</i>	<i>127,8</i>
9. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân	%	-	104,85
10. Tổng thu ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	521337	108,9
11. Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	138913	170,3

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đến ngày 20 tháng 8 năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
I. Nông nghiệp				
1. Cây hàng năm				
Diện tích gieo trồng lúa vụ Đông xuân	Ha	79669	78508	98,5
Diện tích thu hoạch lúa vụ Đông xuân	Ha	79669	78508	98,5
Diện tích thu hoạch lúa vụ Mùa	Ha	69855	58249	83,4
Diện tích gieo trồng hoa màu	Ha			
Ngô	Ha	11201	10511	93,8
Khoai lang	Ha	1367	1255	91,8
Đậu tương	Ha	1217	1068	87,8
Lạc	Ha	1949	1999	102,6
Rau các loại	Ha	34749	33059	95,1
Đậu các loại	Ha	474	528	111,4
2. Chăn nuôi				
Đàn trâu	Nghìn Con	28,0	26,6	95,0
Đàn bò	Nghìn Con	114,2	108,1	94,6
Đàn lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ)	Nghìn Con	1251	1243	99,4
Đàn Gia cầm (gà, vịt, ngan)	Nghìn Con	37945	38550	101,6
<i>Trong đó: Đàn gà</i>	<i>Nghìn Con</i>	<i>28705</i>	<i>29140</i>	<i>101,5</i>
II. Lâm nghiệp				
Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	85	84	98,8
Sản lượng gỗ khai thác	M ³	13850	13218	95,4
Số cây lâm nghiệp trồng phân tán	Nghìn cây	378	360	95,2
III. Thủy Sản				
Diện tích nuôi trồng	Ha	22886	23000	100,5
Tổng sản lượng	Tấn	84109	87722	104,3
<i>Thủy sản nuôi trồng</i>	<i>Tấn</i>	<i>83003</i>	<i>86622</i>	<i>104,4</i>
Cá	Tấn	82986	86605	104,4
Thủy sản khác	Tấn	17	17	100,0
<i>Thủy sản khai thác</i>	<i>Tấn</i>	<i>1106</i>	<i>1100</i>	<i>99,5</i>

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Tám và 8 tháng năm 2026

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 7 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 8 năm 2026 so với tháng trước	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP	108,7	99,1	109,5	108,9
Khai khoáng	111,8	96,8	110,2	107,8
Khai khoáng khác	111,8	96,8	110,2	107,8
Công nghiệp chế biến, chế tạo	108,6	98,9	109,3	108,8
Sản xuất chế biến thực phẩm	108,6	116,5	103,7	106,0
Sản xuất đồ uống	115,6	99,7	111,1	112,9
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	110,2	99,5	106,5	104,0
Dệt	109,3	100,1	108,6	106,1
Sản xuất trang phục	95,3	109,3	95,8	99,3
Sản xuất da và các sản phẩm làm từ da	108,6	96,9	109,5	105,5
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	103,9	103,1	103,8	103,5
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	105,1	104,7	105,2	110,3
In, sao chụp bản ghi các loại	107,7	102,2	108,0	105,6
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	101,9	100,9	102,0	104,6
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	101,5	89,4	106,9	107,4
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	115,4	106,7	114,8	116,5
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	111,7	86,1	117,0	112,0
Sản xuất kim loại	112,8	98,1	114,8	115,3
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	107,4	105,9	104,7	105,1
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	123,4	110,6	119,5	118,5
Sản xuất thiết bị điện	109,6	69,8	119,2	111,1
SX máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	109,7	100,3	108,4	107,2
Sản xuất xe có động cơ	92,6	107,9	99,2	105,2
Sản xuất phương tiện vận tải khác	112,2	101,2	113,4	111,5
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	94,9	150,8	97,1	95,9
Công nghiệp chế biến chế tạo khác	103,7	114,1	101,6	103,6
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	106,7	99,0	109,5	106,9

3. (Tiếp theo) Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Tám và 8 tháng năm 2026

	<i>Đơn vị tính: %</i>			
	Tháng 7 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 8 năm 2026 so với tháng trước	Tháng 8 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	109,6	100,2	110,4	109,6
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	109,6	100,2	110,4	109,6
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	108,5	102,6	112,3	108,8
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	108,2	103,3	115,0	110,5
Thoát nước và xử lý nước thải	102,7	102,1	104,4	102,9
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	110,4	102,1	111,4	108,5

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Tám và 8 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)	
		tháng 7	tháng 8	8 tháng	Tháng 8	8 tháng
		năm	năm	năm	năm	năm
		2026	2026	2026	2026	2026
Đá xây dựng	Nghìn M ³	390	378	2557	110,2	107,8
Sữa và kem chưa cô đặc	Triệu Lít	12	16	107	104,7	85,1
Sữa và kem dạng bột	Tấn	277	282	2175	93,2	98,0
Kẹo cứng, kẹo mềm	Tấn	787	1197	8385	103,0	88,2
Bìa các loại	Triệu Lít	50	49	319	111,0	113,7
Thuốc lá có đầu lọc	Triệu bao	199	198	1415	106,4	104,0
Quần áo người lớn	Nghìn cái	880	900	7481	59,4	96,4
Áo sơ mi cho người lớn dệt kim	Nghìn cái	2383	2681	18746	98,9	100,1
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim	Nghìn cái	5608	5921	40654	99,6	98,6
Giày, dép	Nghìn đôi	603	588	3484	112,5	102,4
Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	4504	4528	36090	103,6	103,1
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	Nghìn chiếc	7422	7074	47026	130,4	145,4
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	Triệu Chiếc	76	81	553	107,0	115,3
Giấy và bìa nhãn	Tấn	7582	7216	54655	106,3	88,6
Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh	Tấn	6205	6515	48307	100,6	108,8
Phân bón các loại	Nghìn tấn	27	24	228	97,1	106,6
Thuốc trừ sâu	Tấn	961	1073	7330	78,6	77,8
Thuốc dạng viên các loại	Tỷ viên	57	56	399	126,6	116,3
Thuốc kháng sinh dạng bột/ cốm	Tấn	14	11	97	63,9	89,1
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Tấn	205	132	1514	69,6	108,2
Dung dịch đạm huyết thanh	Nghìn lít	5038	4738	38546	129,7	110,7
Cửa bằng plasstic	Tấn	5186	4626	35180	177,4	171,0
Sản phẩm bằng plastic còn lại	Tấn	3423	5384	34107	97,5	101,0
SP vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	Nghìn cái	452	186	2631	61,6	112,2
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	Nghìn M ³	491	447	2853	173,4	168,5
Ống không nối, mặt cắt tròn bằng thép	Tấn	6269	6800	49053	108,6	107,4
Cửa bằng sắt, thép	Nghìn M ²	84	80	575	125,3	107,4

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Tám và 8 tháng năm 2026

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 7 năm 2026	Ước tính tháng 8 năm 2026	Ước tính 8 tháng năm 2026	So với cùng kỳ năm trước (%)	
					Tháng 8	8 tháng
					năm	năm
					2026	2026
Máy copy - in	Nghìn cái	1135	1116	6731	160,9	148,6
Trạm (thiết bị) thu phát gốc	Nghìn cái	209	200	1383	159,9	105,0
Máy biến thế điện các loại	Chiếc	5218	3332	33374	104,2	106,5
Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	Nghìn cái	50	47	289	117,4	97,4
Quạt công suất không quá 125W	Nghìn cái	200	166	1509	94,7	95,2
Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời	Nghìn cái	16	17	210	30,6	77,8
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	Nghìn cái	3489	3952	25059	122,2	101,6
Phụ tùng khác của xe có động cơ	Nghìn cái	78	88	573	107,4	102,7
Bộ phận tua bin phản lực, tua bin cánh quạt	Nghìn cái	11	15	84	233,4	111,3
Xe mô tô, xe máy xi lanh ≤ 250cc	Nghìn chiếc	60	61	380	128,0	144,1
Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	Nghìn tấn	41	38	303	93,3	104,5
Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	Nghìn chiếc	40	46	357	104,6	106,5
Bàn bằng gỗ các loại	Nghìn chiếc	391	402	3004	93,9	91,6
Ghế có khung bằng kim loại	Nghìn chiếc	246	267	1708	83,9	82,6
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	2999	3005	19885	110,4	109,6
Nước máy thương phẩm uống được	Triệu M ³	42	43	308	115,5	112,6

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng Tám và 8 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %								
	KH	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 8 năm 2026		8 tháng năm 2026	
	năm	tháng 7	tháng 8	8 tháng	so với		so với	
	2026	năm 2026	năm 2026	năm 2026	tháng	cùng kỳ	kế hoạch	cùng kỳ
					trước	năm trước	năm 2026	năm trước
TỔNG SỐ	171001	16034	18091	89923	112,8	208,3	52,6	177,3
Vốn ngân sách Nhà nước cấp thành phố	101905	12390	14118	58624	113,9	357,6	57,5	260,1
Vốn cân đối ngân sách thành phố	94258	11531	13169	53710	114,2	472,2	57,0	341,0
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	62112	6247	7102	26769	113,7	554,8	43,1	380,2
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	3901	438	488	2498	111,3	54,0	64,0	53,5
Vốn nước ngoài (ODA)	3321	371	407	2100	109,8	181,8	63,2	110,8
Xổ số kiến thiết	425	50	54	316	108,5	167,3	74,4	138,4
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	69096	3644	3973	31299	109,0	83,9	45,3	111,1
Vốn cân đối ngân sách xã	42069	1864	2022	16704	108,5	299,0	39,7	630,3
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	20763	983	1053	8576	107,1	184,7	41,3	387,9
Vốn thành phố hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	27027	1780	1951	14595	109,6	48,1	54,0	57,2

6. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2026

<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng; %</i>						
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 8 năm 2026		8 tháng
	tháng 7	tháng 8	8 tháng	so với		năm 2026
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	2026	trước	năm trước	năm trước
Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	479340	495900	3531163	103,5	113,2	115,0
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>						
Nhà nước	34508	35200	276832	102,0	113,5	109,1
Ngoài Nhà nước	423744	439300	3096903	103,7	113,2	115,8
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	21088	21400	157428	101,5	113,4	110,6
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>						
Thương nghiệp	372844	386150	2848840	103,6	115,4	115,4
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	13858	14250	97841	102,8	112,2	114,4
Du lịch lữ hành	3581	3530	25191	98,6	107,1	113,8
Dịch vụ khác	89057	91970	559291	103,3	105,1	112,9
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	93516	95525	708224	102,1	116,3	114,9
<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>						
Nhà nước	10273	10490	82895	102,1	115,5	112,1
Ngoài Nhà nước	79509	81230	597342	102,2	116,4	115,5
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	3734	3805	27987	101,9	114,7	110,8
<i>Chia theo ngành hoạt động</i>						
Bán lẻ hàng hóa	59585	60650	455012	101,8	120,0	117,1
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	13858	14250	97841	102,8	112,2	114,4
Du lịch lữ hành	3581	3530	25191	98,6	107,1	113,8
Dịch vụ khác	16492	17095	130180	103,7	109,4	108,6
<i>Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)</i>						
Nhà nước	11,0	11,0	11,7	-	-	-
Ngoài Nhà nước	85,0	85,0	84,3	-	-	-
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4,0	4,0	4,0	-	-	-

7. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tám và 8 tháng năm 2026

<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng; %</i>							
	Thực hiện tháng 7 năm 2026	Ước tính tháng 8 năm 2026	8 tháng năm 2026		Tháng 8 năm 2026 so với		8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
			Tổng mức	Cơ cấu (%)	tháng trước	cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	93516	95525	708224	100,0	102,1	116,3	114,9
Bán lẻ hàng hóa	59585	60650	455012	64,2	101,8	120,0	117,1
Lương thực, thực phẩm	13538	13980	99528	14,1	103,3	119,4	116,5
Hàng may mặc	4006	4110	30513	4,3	102,6	115,0	114,5
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	6910	7030	52971	7,5	101,7	113,9	115,1
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	845	900	6615	0,9	106,5	104,3	108,4
Gỗ và vật liệu xây dựng	1399	1430	9565	1,4	102,2	118,8	118,2
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	6260	6140	47564	6,7	98,1	119,5	115,8
Phương tiện đi lại (trừ ô tô con, kể cả phụ tùng)	1293	1275	10517	1,5	98,6	117,4	113,8
Xăng, dầu các loại	10759	11100	79958	11,3	103,2	123,6	119,7
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	705	715	5619	0,8	101,5	125,2	115,3
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	2043	2030	16498	2,3	99,4	126,3	129,9
Hàng hóa khác	10468	10560	85298	12,0	100,9	129,4	118,0
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	1359	1380	10366	1,5	101,6	122,9	115,3
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	13858	14250	97841	13,8	102,8	112,2	114,4
Dịch vụ lưu trú	1750	1800	11482	1,6	102,9	107,1	114,5
Dịch vụ ăn uống	12108	12450	86359	12,2	102,8	113,0	114,4
Du lịch lữ hành	3581	3530	25191	3,6	98,6	107,1	113,8
Dịch vụ khác	16492	17095	130180	18,4	103,7	109,4	108,6

8. Vận tải hành khách tháng Tám và 8 tháng năm 2026

	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 8 năm 2026		8 tháng
	tháng 7	tháng 8	8 tháng	so với (%)		năm 2026
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	2026	trước	năm trước	năm trước (%)
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	52629	55939	415296	106,3	128,4	124,7
Đường bộ	51107	54337	403341	106,3	128,4	124,1
Đường sắt	1282	1359	10122	106,0	129,2	161,1
Đường thủy nội địa	240	243	1834	101,5	125,3	118,0
II. Luân chuyển (Triệu lượt HK.km)	1476	1562	11679	105,8	123,5	120,3
Đường bộ	1463	1548	11575	105,8	123,4	120,1
Đường sắt	11	11	86	105,7	128,8	160,4
Đường thủy nội địa	2	2	18	101,3	136,2	126,2

9. Vận tải hàng hóa tháng Tám và 8 tháng năm 2026

	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 8 năm 2026		8 tháng
	tháng 7	tháng 8	8 tháng	so với (%)		năm 2026
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2026	2026	2026	trước	năm trước	năm trước (%)
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	169633	170285	1314503	100,4	110,4	109,0
Đường bộ	161310	161908	1250362	100,4	109,9	108,5
Đường sắt	205	207	1633	101,0	105,6	106,8
Đường biển	7656	7706	58915	100,6	122,6	120,5
Đường thủy nội địa	461	464	3592	100,6	111,4	110,9
II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)	17949	18012	138705	100,4	120,7	118,7
Đường bộ	4682	4699	37023	100,4	106,4	107,2
Đường sắt	15	15	117	100,7	105,2	106,9
Đường biển	13198	13244	101135	100,4	126,7	123,6
Đường thủy nội địa	55	55	431	100,4	113,4	113,6

10. Doanh thu vận tải, dịch vụ kho bãi, hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát tháng Tám và 8 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

	Thực hiện tháng 7 năm 2026	Ước tính tháng 8 năm 2026	Ước tính 8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với		8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	26419	26625	204891	100,8	124,4	122,4
<i>Vận tải hành khách</i>	2979	3079	22834	103,3	137,5	132,8
Đường bộ	2937	3036	22514	103,4	137,4	132,6
Đường sắt	19	20	146	102,9	150,1	183,4
Đường thủy nội địa	23	23	174	101,2	136,0	126,1
<i>Vận tải hàng hóa</i>	11285	11352	86028	100,6	129,5	125,5
Đường bộ	6301	6349	48840	100,8	120,1	118,1
Đường sắt	19	19	144	100,5	120,1	118,7
Đường biển	4874	4892	36326	100,4	144,7	137,4
Đường thủy nội địa	91	92	718	100,8	113,4	113,8
<i>Dịch vụ kho bãi và hỗ trợ vận tải</i>	10569	10599	83751	100,3	116,3	117,2
<i>Bưu chính, chuyển phát</i>	1586	1595	12278	100,6	124,9	120,9

11. Khách du lịch tháng Tám và 8 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Nghìn lượt người; %

	Thực hiện tháng 7 năm 2026	Ước tính tháng 8 năm 2026	Ước tính 8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với		8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
Khách đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ)	712	785	6132	110,2	117,4	126,1
a. Khách nội địa	241	250	1826	103,7	103,3	122,1
<i>Chia ra</i>						
Khách trong ngày	103	105	799	101,9	104,0	120,1
Khách ngủ qua đêm	138	145	1027	105,1	102,8	123,6
b. Khách quốc tế	471	535	4306	113,6	125,4	127,8
Khách do cơ sở lữ hành phục vụ	374	370	2735	98,9	105,4	136,3
Khách quốc tế	53	55	442	103,4	134,1	185,8
Khách trong nước	321	315	2293	98,1	101,6	129,7

12. Kim ngạch xuất khẩu tháng Tám và 8 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Triệu USD; %

	Thực hiện tháng 7 năm 2026	Ước tính tháng 8 năm 2026	Ước tính 8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với		8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	cùng kỳ
TỔNG SỐ	2102	2127	14890	101,2	113,6	108,0
Phân theo khu vực kinh tế						
Khu vực kinh tế trong nước	1114	1127	8052	101,2	110,5	100,6
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	988	1000	6838	101,1	117,4	118,3
Phân theo nhóm hàng						
Hàng nông sản	185	187	1256	101,2	189,1	121,8
<i>Trong đó: + Gạo</i>	<i>42</i>	<i>42</i>	<i>318</i>	<i>101,0</i>	<i>102,2</i>	<i>87,5</i>
+ Cà phê	30	30	352	101,1	531,5	144,0
Hàng dệt may	232	234	1533	101,0	97,2	96,3
Giày dép các loại và SP từ da	48	49	314	101,1	130,0	105,7
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	335	338	2261	101,0	120,2	121,0
Hàng gốm sứ	18	19	142	101,0	90,3	103,0
Xăng dầu	78	79	619	101,1	161,1	159,8
Máy móc thiết bị phụ tùng	289	292	2139	101,0	91,1	101,2
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	33	33	251	100,7	106,8	114,3
Phương tiện vận tải và phụ tùng	285	289	2038	101,1	109,8	107,3
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	59	59	481	101,1	85,0	87,7
Điện thoại và linh kiện	4	4	42	101,3	23,1	34,5
Hàng hoá khác	536	544	3814	101,5	123,0	106,9

13. Kim ngạch nhập khẩu tháng Tám và 8 tháng năm 2026

Đơn vị tính: Triệu USD; %

	Thực hiện tháng 7 năm 2026	Ước tính tháng 8 năm 2026	Ước tính 8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với		8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	5612	5632	42661	100,3	142,2	141,0
Phân theo khu vực kinh tế						
Khu vực kinh tế trong nước	4630	4647	35499	100,4	145,5	143,6
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	982	985	7162	100,3	128,3	129,3
Phân theo nhóm hàng						
Máy móc thiết bị, phụ tùng	1309	1313	8778	100,3	153,3	144,9
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	423	424	3068	100,2	117,8	136,4
Phương tiện vận tải và phụ tùng	497	499	4370	100,4	151,1	177,4
Hàng điện gia dụng và linh kiện	73	73	671	100,5	212,5	134,9
Xăng dầu	707	710	5425	100,4	214,4	196,0
Sắt thép	216	217	1599	100,2	122,0	108,1
Chất dẻo	111	111	986	100,1	90,7	102,2
Thức ăn gia súc	60	60	482	100,2	101,0	100,3
Vải	89	89	707	100,8	106,1	103,9
Kim loại khác	200	201	1459	100,3	127,5	118,4
Ngô	90	90	586	100,1	120,5	152,4
Sản phẩm chất dẻo	102	102	740	100,3	131,3	121,2
Sản phẩm hóa chất	91	92	742	100,2	122,3	123,6
Hàng hóa khác	1644	1651	13048	100,4	135,3	133,3

14. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng Tám và bình quân 8 tháng năm 2026

	Tháng 8 năm 2026 so với:				Đơn vị tính: %
	Tháng 8 năm 2026 so với:				Bình quân
	Kỳ gốc (2019)	Tháng 8 năm 2025	Tháng 12 năm 2025	Tháng 7 năm 2026	8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	110,95	105,20	103,62	100,54	104,85
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	107,72	104,76	101,73	100,12	105,07
<i>Trong đó: Lương thực</i>	108,20	102,39	100,61	99,53	102,35
<i>Thực phẩm</i>	107,21	104,22	100,62	100,22	104,76
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	108,90	107,12	105,18	100,09	106,93
Đồ uống và thuốc lá	106,20	104,38	103,77	100,23	103,43
May mặc, mũ nón và giày dép	104,52	102,64	102,04	100,05	102,18
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	119,45	107,13	106,21	100,07	107,48
Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,10	103,68	102,97	100,24	103,14
Thuốc và dịch vụ y tế	105,67	100,64	100,63	100,06	100,41
<i>Trong đó: Dịch vụ khám sức khỏe</i>	108,50	100,08	100,07	100,00	100,05
Giao thông	103,73	108,01	107,62	103,98	106,36
Bưu chính viễn thông	99,77	99,31	99,39	99,92	99,52
Giáo dục	128,91	106,62	102,40	101,06	104,96
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	131,62	107,18	102,57	101,11	105,34
Văn hoá, giải trí và du lịch	102,83	104,19	104,74	99,98	103,76
Hàng hóa và dịch vụ khác	106,90	104,26	103,40	100,10	103,23
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	190,41	118,54	93,48	97,68	150,68
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	105,16	99,99	100,01	99,77	101,53

15. Thu - Chi ngân sách Nhà nước 8 tháng năm 2026

	Đơn vị tính: Tỷ đồng, %		
	Ước tính	8 tháng	8 tháng
	8 tháng	năm 2026	năm 2026
	năm	so với	so với cùng kỳ
	2026	dự toán	năm trước
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	521337	80,2	108,9
<i>Thu nội địa</i>	487405	79,9	107,5
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	60811	72,8	108,9
Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	32581	77,2	139,3
Thu từ khu vực CTN-DV ngoài Nhà nước	129941	91,2	134,2
Thuế thu nhập cá nhân	42339	60,9	97,5
Thuế bảo vệ môi trường	1156	32,1	55,0
Thu phí, lệ phí cân đối ngân sách	21671	72,2	124,2
Lệ phí trước bạ	5314	52,1	98,3
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	392	56,0	160,6
Thu tiền sử dụng đất	69380	83,7	86,7
Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	10635	70,9	84,4
Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	695	9,9	19,9
Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	357	83,9	120,9
Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	46514	88,3	93,4
Thu khác ngân sách	11039	55,2	113,2
<i>Thu từ dầu thô</i>	2120	60,6	118,2
<i>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</i>	30706	83,9	132,9
<i>Thu viện trợ không hoàn lại</i>	1106	9908,8	649,0
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (TP giao)	138913	49,4	170,3
<i>Chi đầu tư phát triển</i>	87330	51,1	242,3
<i>Chi thường xuyên</i>	51474	64,1	113,2

16. Tín dụng ngân hàng

Đơn vị tính: Nghìn tỷ đồng; %

	Thực hiện đến 31/7/2026	Ước tính đến 31/8/2026	Ước đến 31/8/2026 so với 31/7/2026	Ước đến 31/8/2026 so với 31/12/2025
NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG	7751	7844	101,20	110,78
Tiền gửi	6798	6876	101,15	109,63
Tiền gửi tiết kiệm	2004	2023	100,98	110,71
Tiền gửi có kỳ hạn	3311	3345	101,02	109,02
Tiền gửi thanh toán	1483	1508	101,65	109,56
Phát hành giấy tờ có giá	953	968	101,58	119,69
Trong đó: Đồng Việt Nam	943	958	101,60	119,94
TỔNG DƯ NỢ	6389	6529	102,20	113,05
Phân theo kì hạn				
Dư nợ ngắn hạn	2514	2570	102,22	112,84
Dư nợ trung và dài hạn	3875	3959	102,19	113,18
Phân theo nội ngoại tệ				
Dư nợ bằng VND	6156	6292	102,21	113,09
Dư nợ bằng Ngoại tệ	233	237	101,92	111,93

17. Trật tự, an toàn xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2026

(Từ ngày 15 tháng 7 năm 2026 đến ngày 14 tháng 8 năm 2026)

	Đơn vị tính	Tháng 7 năm 2026	Tháng 8 năm 2026	8 tháng năm 2026	Tháng 8 năm 2026 so với (%)		8 tháng năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (%)
					tháng trước	cùng kỳ năm trước	
Phạm pháp hình sự							
Số vụ phạm pháp hình sự	Vụ	390	358	2786	91,8	57,1	67,6
Số vụ phạm pháp do công an khám phá	Vụ	148	98	1426	66,2	26,5	61,5
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	395	172	2795	43,5	22,3	68,7
Số vụ phát hiện vi phạm pháp luật về kinh tế	Vụ	231	260	2600	112,6	95,9	150,4
Số đối tượng bị xử lý	Người	335	320	3095	95,5	103,6	148,5
Tệ nạn xã hội							
Số vụ cờ bạc	Vụ	60	72	513	120,0	218,2	238,6
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	199	204	1932	102,5	115,9	192,0
Số vụ vi phạm pháp luật về ma túy	Vụ	278	238	2614	85,6	39,6	135,9
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	596	657	5766	110,2	61,2	172,3
Số vụ xử lý hình sự	Vụ	268	208	2483	77,6	34,9	131,5
Số đối tượng bị bắt giữ	Người	542	523	5120	96,5	52,4	168,1
Tai nạn giao thông							
Số vụ tai nạn giao thông	Vụ	80	76	632	95,0	77,6	79,8
Đường bộ	"	79	75	621	94,9	76,5	79,6
Đường sắt	"	1	1	11	100,0	-	91,7
Số người chết	Người	56	49	422	87,5	108,9	99,5
Đường bộ	"	56	48	414	85,7	106,7	100,0
Đường sắt	"	-	1	8	-	-	80,0
Số người bị thương	"	50	51	361	102,0	62,2	62,1
Đường bộ	"	50	51	354	102,0	62,2	61,1
Đường sắt	"	-	-	7	-	-	350,0
Cháy, nổ							
Số vụ cháy, nổ	Vụ	45	49	492	108,9	55,7	65,3
Số người chết	Người	2	-	10	-	-	66,7
Số người bị thương	Người	1	-	15	-	-	125,0
Vi phạm môi trường							
Số vụ vi phạm đã phát hiện	Vụ	442	495	4527	112,0	112,0	125,4
Số vụ đã xử lý	Vụ	428	495	4428	115,7	119,3	126,4
Số đối tượng bị xử lý	Người	436	496	4455	113,8	118,1	126,1